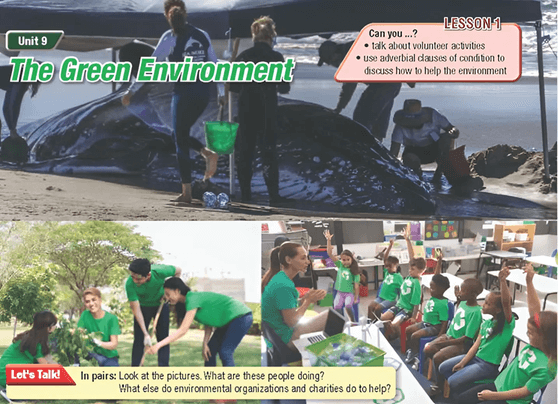
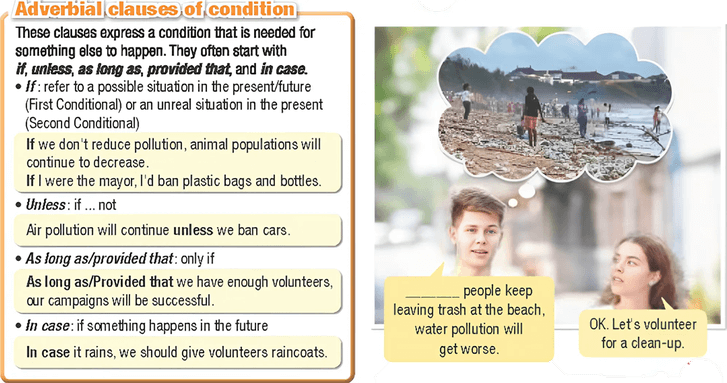
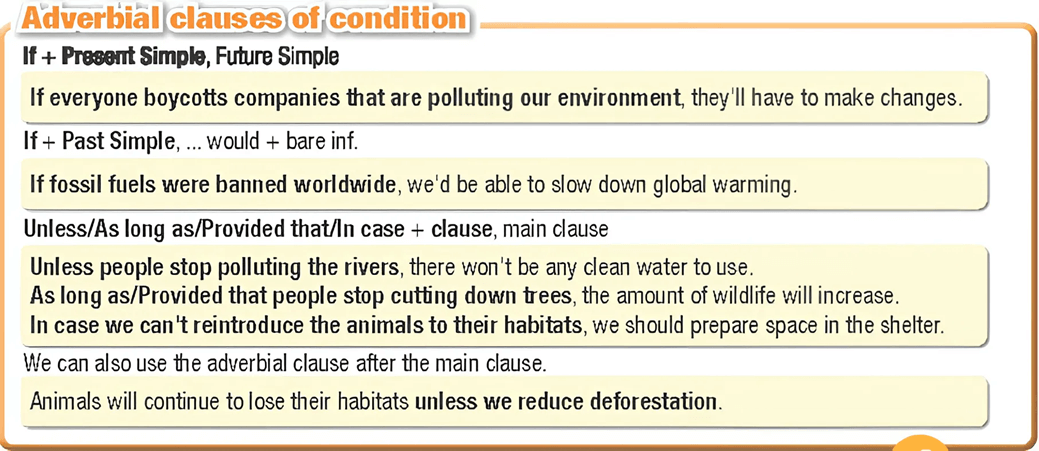
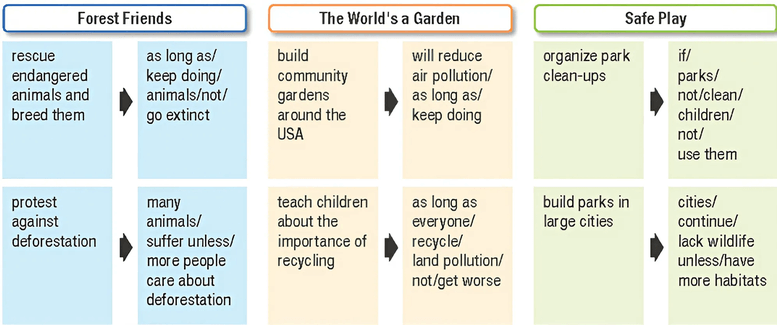
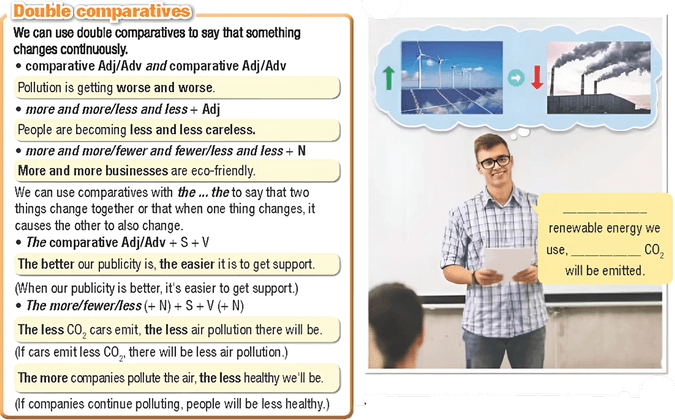
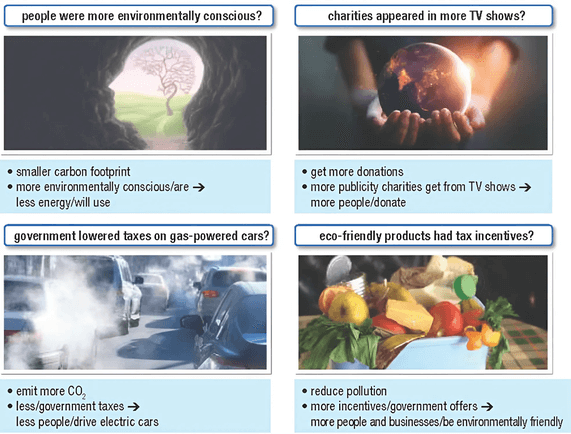
# Unit 9: The Green Environment

**Giải Tiếng Anh lớp 12 Unit 9: The Green Environment - ILearn Smart World**  
**Unit 9 Lesson 1 (trang 98, 99, 100, 101)**  
**Let's Talk! (trang 98 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What are these people doing? What else do environmental organizations and charities do to help? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Những người này đang làm gì? Các tổ chức môi trường và tổ chức từ thiện còn làm gì khác để giúp đỡ?)  
  
**Gợi ý:**  
They are taking care of a shark, planting a tree and teaching children about plastic wastes.  
Environmental organizations and charities undertake a wide range of activities to help protect the environment. Many organizations engage in advocacy efforts to influence policymakers and advocate for environmental policies and regulations that promote conservation and sustainability. They may lobby for the implementation of laws to protect natural habitats, reduce pollution, and combat climate change. Environmental organizations often conduct outreach programs and educational initiatives to raise awareness about environmental issues and promote eco-friendly behaviors. They may organize workshops, seminars, and community events to educate the public about topics such as recycling, energy conservation, and habitat preservation. Some organizations conduct scientific research and environmental monitoring to assess the health of ecosystems, track changes in biodiversity, and identify emerging environmental threats. They may collect data on air and water quality, wildlife populations, and habitat degradation to inform conservation strategies and policy decisions.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Họ đang chăm sóc cá mập, trồng cây và giáo dục cho trẻ em về rác thải nhựa.  
Các tổ chức môi trường và tổ chức từ thiện thực hiện nhiều hoạt động để giúp bảo vệ môi trường. Nhiều tổ chức tham gia vào các nỗ lực vận động nhằm gây ảnh hưởng đến các nhà hoạch định chính sách và ủng hộ các chính sách và quy định về môi trường nhằm thúc đẩy bảo tồn và phát triển bền vững. Họ có thể vận động hành lang để thực thi luật bảo vệ môi trường sống tự nhiên, giảm ô nhiễm và chống biến đổi khí hậu. Các tổ chức môi trường thường tiến hành các chương trình tiếp cận cộng đồng và các sáng kiến giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường và thúc đẩy các hành vi thân thiện với môi trường. Họ có thể tổ chức các hội thảo, tọa đàm và sự kiện cộng đồng để giáo dục công chúng về các chủ đề như tái chế, bảo tồn năng lượng và bảo tồn môi trường sống. Một số tổ chức tiến hành nghiên cứu khoa học và giám sát môi trường để đánh giá sức khỏe của hệ sinh thái, theo dõi những thay đổi về đa dạng sinh học và xác định các mối đe dọa môi trường mới nổi. Họ có thể thu thập dữ liệu về chất lượng không khí và nước, quần thể động vật hoang dã và suy thoái môi trường sống để đưa ra các chiến lược bảo tồn và quyết định chính sách.  
  
**New Words (phần a->c trang 98 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the definitions, then fill in the blanks with the new words. Listen and repeat.** (Đọc định nghĩa, sau đó điền từ mới vào chỗ trống. Lắng nghe và lặp lại.)  
**breed:** keep animals or plants in order to produce young ones  
**reintroduce:** put a type of animal, bird, or plant back into the place where it once lived  
**boycott:** refuse to buy. use, or take part in something to show you disagree with an organization’s actions  
**campaign:** several planned activities to achieve an aim  
**protest:** say a do something to show you strongly disagree with something  
**destruction:** the act of destroying or damaging something  
**habitat:** the place where a type of animal a plant is usually found  
**overfishing:** taking so many fish from the sea that the population becomes very low  
**marine:** related to the sea and animals and plants that live there  
1. The sea is important for so many reasons. We need to protect life.  
2. Future generations won’t be able to rely on the sea for food if these companies keep \_\_\_\_\_\_\_.  
3. People are going to \_\_\_\_\_\_\_ tomorrow. They will hold up signs in the town center asking for laws to reduce pollution.  
4. A crocodile's \_\_\_\_\_\_\_ is usually humid and has saltwater.  
5. It’s often very difficult to \_\_\_\_\_\_\_ wild animals in zoos, and the baby animals sometimes have many diseases.  
6. After rescuing an injured animal, we aim to \_\_\_\_\_\_\_ it to its habitat as soon as it’s better.  
7. We should get everyone to \_\_\_\_\_\_\_ their products because they test their products on animals.  
8. The \_\_\_\_\_\_\_ caused by the hurricane was huge. Buildings, cars, and trees were all damaged.  
9. The charity has two \_\_\_\_\_\_\_s now. One to reduce air pollution and another to teach children about saving energy.   
CD2-47  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
2. overfishing  
  
  
3. protest  
  
  
4. habitat  
  
  
5. breed  
  
  
  
  
6. reintroduce  
  
  
7. boycott  
  
  
8. destruction  
  
  
9. campaign  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
**chăn nuôi:** nuôi động vật hoặc thực vật để sinh ra con non/cây con  
**đưa trở lại:** đưa một loại động vật, chim hoặc thực vật trở lại nơi nó từng sống  
**tẩy chay:** từ chối mua, sử dụng hoặc tham gia vào một hoạt động nào đó để thể hiện rằng bạn không đồng tình với các hành động của tổ chức  
**chiến dịch:** một số hoạt động được lên kế hoạch để đạt được mục tiêu  
**biểu tình:** nói hoặc làm gì đó để cho thấy bạn hoàn toàn không đồng ý với điều gì đó  
**sự phá hủy:** hành động phá hủy hoặc làm hư hỏng một cái gì đó  
**môi trường sống:** nơi thường sinh sống của một loài động hoặc thực vật  
**đánh bắt quá mức:** bắt quá nhiều cá từ biển đến mức số lượng trở nên rất ít  
**biển:** liên quan đến biển, động vật và thực vật sống ở đó  
1. Biển rất quan trọng vì rất nhiều lý do. Chúng ta cần bảo vệ sinh vật .  
2. Các thế hệ tương lai sẽ không thể dựa vào biển để lấy nguồn thức ăn nếu các công ty này tiếp tục .  
3. Ngày mai mọi người sẽ . Họ sẽ giương cao các biển hiệu ở trung tâm thị trấn để yêu cầu ban hành luật làm giảm ô nhiễm.  
4. của cá sấu thường ẩm ướt và có nước mặn.  
5. Việc động vật hoang dã trong vườn thú thường rất khó khăn và động vật con đôi khi mắc nhiều loại bệnh.  
6. Sau khi giải cứu một con vật bị thương, chúng tôi mong muốn nó môi trường sống ngay khi tình trạng của nó tốt hơn.  
7. Chúng ta nên kêu gọi mọi người các sản phẩm của họ vì họ thử nghiệm sản phẩm trên động vật.  
8. của cơn bão là rất lớn. Các tòa nhà, ô tô và cây cối đều bị hư hại.  
9. Tổ chức từ thiện hiện có hai . Một để giảm ô nhiễm không khí và một để giáo dục trẻ em về tiết kiệm năng lượng.  
**b. What kinds of things or people do charities try to help?** (Các tổ chức từ thiện cố gắng giúp đỡ những việc gì hoặc những người nào?)  
**Gợi ý:**  
Charities often provide assistance to individuals and families struggling with poverty by offering food, clothing, shelter, and financial support. They may also offer job training, education, and resources to help people break the cycle of poverty. Many charities focus on supporting children and families in various ways, such as providing access to education, healthcare, nutrition, and safe living environments. They may also offer counseling, mentoring, and recreational programs to promote positive development and well-being. Charities often offer support services to elderly and disabled individuals, including healthcare, transportation, home assistance, and social activities. They may also advocate for disability rights and accessibility. Charities play a crucial role in providing relief and assistance to communities affected by natural disasters, such as hurricanes, earthquakes, floods, and wildfires. They offer emergency aid, shelter, medical care, and rebuilding support to help communities recover and rebuild.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Các tổ chức từ thiện thường hỗ trợ các cá nhân và gia đình đang vật lộn với nghèo đói bằng cách cung cấp thực phẩm, quần áo, chỗ ở và hỗ trợ tài chính. Họ cũng có thể cung cấp đào tạo nghề, giáo dục và các nguồn lực để giúp mọi người thoát khỏi vòng lặp nghèo đói. Nhiều tổ chức từ thiện tập trung vào việc hỗ trợ trẻ em và các gia đình theo nhiều cách khác nhau, chẳng hạn như hỗ trợ trẻ em tiếp tục đi học, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và môi trường sống an toàn. Họ cũng có thể cung cấp các chương trình tư vấn, cố vấn và giải trí để thúc đẩy sự phát triển và sức khỏe tích cực. Các tổ chức từ thiện thường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho người già và người khuyết tật, bao gồm chăm sóc sức khỏe, di chuyển, hỗ trợ tại nhà và các hoạt động xã hội. Họ cũng có thể ủng hộ quyền và khả năng tiếp cận của người khuyết tật. Các tổ chức từ thiện đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cứu trợ và hỗ trợ cho các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các thiên tai như bão, động đất, lũ lụt và cháy rừng. Họ cung cấp viện trợ khẩn cấp, nơi trú ẩn, chăm sóc y tế và hỗ trợ xây dựng lại để giúp cộng đồng phục hồi và tái xây dựng.  
**c. In pairs: Use the new words to talk about ways you or organizations have helped the environment where you live.** (Theo cặp: Sử dụng các từ mới để nói về cách bạn hoặc tổ chức đã giúp ích cho môi trường nơi bạn sống.)  
They have helped some endangered animals like turtles. (Họ đã giúp đỡ một số loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng như rùa.)  
**Gợi ý:**  
The panda's natural habitat is preserved in the bamboo forest.  
The centre has a fifty per cent success rate of reintroducing animals to the wild.  
Our organization has helped the marine environment by organizing beach clean-up events to remove litter and plastic debris from coastal areas.  
By encouraging the community to boycott single-use plastics, we have reduced plastic pollution in our local environment and protected marine life.  
The local aquarium has played a crucial role in marine conservation by breeding endangered species and reintroducing them into their natural habitats.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Môi trường sống tự nhiên của gấu trúc được bảo tồn trong rừng trúc.  
Trung tâm có tỷ lệ thành công 50% trong việc thả động vật trở lại tự nhiên.  
Tổ chức của chúng tôi đã giúp ích cho môi trường biển bằng cách tổ chức các sự kiện làm sạch bãi biển để loại bỏ rác thải và mảnh vụn nhựa khỏi các khu vực ven biển.  
Bằng cách khuyến khích cộng đồng tẩy chay đồ nhựa dùng một lần, chúng tôi đã giảm ô nhiễm nhựa ở môi trường địa phương và bảo vệ sinh vật biển.  
Thủy cung địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn biển bằng cách nhân giống các loài có nguy cơ tuyệt chủng và đưa chúng trở lại môi trường sống tự nhiên.  
  
**Reading (phần a->d trang 99 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the article about an environmental charity. Who wrote the article? Choose the correct answer.** (Đọc bài viết về một tổ chức từ thiện môi trường. Ai là tác giả bài viết? Chọn câu trả lời đúng.)  
1. someone working at Habitat Earth (ai đó đang làm việc tại Habitat Earth)  
2. a volunteer (một tình nguyện viên)  
3. a journalist (một nhà báo)  
**Habitat Earth: Our Mission and Methods**  
The human population is always glowing, and more people means more homes, more office buildings, and more roads. All this destroys natural habitats and kills many animals. At Habitat Earth, our main goal is to conserve nature for generations to come. We are a charity organization that runs programs all across the USA to protect animals and their habitats from destruction. We currently have several campaigns to do this.  
The first campaign focuses on stopping people from building things anywhere they like. For the past ten years, we have protested in endangered areas to help people become more aware of the damage that building projects are doing to their local environment and wildlife. This encourages local governments to pass laws to stop these projects. As long as we continue to do this, we can greatly reduce the damage to natural habitats.  
The next campaign is about rescuing animals. Animals that lose their habitats to urban expansion often move into cities and cause problems for people and . Our volunteers rescue these endangered animals and reintroduce them to their natural environments. As long as this work continues, these animals will not be hurt or killed.  
Our final campaign is focused on teaching children about protecting the environment. Volunteers go to schools and youth centers and show children how important it is to maintain habitats. If people grow up understanding this message, they are more likely to build a better future.  
We are always looking to more volunteers to help protect nature and the environment. If you are interested in helping us here at Habitat Earth, please go to www.habitalearth.com and sign up. You can also donate to support our work on the website.  
**Đáp án:**  
1. someone working at Habitat Earth (ai đó đang làm việc tại Habitat Earth)  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Habitat Earth: Sứ mệnh và phương pháp của chúng tôi**  
Dân số loài người tăng liên tục và nhiều người hơn đồng nghĩa với nhà cửa, các tòa nhà văn phòng và đường xá nhiều hơn. Tất cả điều này phá hủy môi trường sống tự nhiên và giết chết nhiều loài động vật. Tại Habitat Earth, mục tiêu chính của chúng tôi là bảo tồn thiên nhiên cho các thế hệ mai sau. Chúng tôi là một tổ chức từ thiện thực hiện các chương trình trên khắp Hoa Kỳ để bảo vệ động vật và môi trường sống của chúng khỏi bị phá hoại. Chúng tôi hiện đang có một số chiến dịch để thực hiện việc này.  
Chiến dịch đầu tiên tập trung vào việc ngăn chặn mọi người xây dựng mọi thứ ở bất cứ nơi nào họ thích. Trong mười năm qua, chúng tôi đã biểu tình ở những khu vực có nguy cơ tuyệt chủng để giúp mọi người nhận thức rõ hơn về thiệt hại mà các dự án xây dựng đang gây ra đối với môi trường và động vật hoang dã địa phương của họ. Điều này khuyến khích chính quyền địa phương thông qua luật để ngăn chặn các dự án này. Miễn là chúng tôi tiếp tục làm điều này, chúng tôi có thể giảm thiểu đáng kể thiệt hại đối với môi trường sống tự nhiên.  
Chiến dịch tiếp theo là về việc giải cứu động vật. Những loài động vật bị mất đi môi trường sống do mở rộng đô thị thường di chuyển vào các thành phố và gây ra nhiều vấn đề cho con người và chính chúng. Các tình nguyện viên của chúng tôi giải cứu những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng này và đưa chúng trở lại môi trường tự nhiên. Chừng nào công việc này còn tiếp tục, những loài động vật này sẽ không bị thương hay bị giết.  
Chiến dịch cuối cùng của chúng tôi tập trung vào việc giáo dục trẻ em về việc bảo vệ môi trường. Các tình nguyện viên đến các trường học và trung tâm thanh thiếu niên và cho trẻ em thấy tầm quan trọng của việc duy trì môi trường sống. Nếu các em lớn lên hiểu được thông điệp này, các em có nhiều khả năng xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn.  
Chúng tôi luôn tìm kiếm thêm tình nguyện viên để giúp bảo vệ tự nhiên và môi trường. Nếu bạn quan tâm đến việc giúp đỡ chúng tôi tại Habitat Earth, vui lòng truy cập trang web www.habitalearth.com và đăng ký. Bạn cũng có thể quyên góp để hỗ trợ công việc của chúng tôi trên trang web.  
**b. Now, read and answer the questions.** (Bây giờ hãy đọc và trả lời các câu hỏi.)  
1. What are people building because of the growing human population? \_\_\_\_\_\_\_\_  
2. The word in paragraph 3 refers to \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. Habitat Earth  
B. animals  
C. people  
3. Where do volunteers go to educate young people about the environment? \_\_\_\_\_\_\_\_  
4. According to the article, all of the following are true EXCEPT \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. building projects causes a lot of destruction  
B. Habitat Earth protects animals all around the world  
C. volunteers are needed for rescuing animals and educating children  
5. Which of the following can be inferred from the article?  
A. Habitat Earth only focuses on changing laws and rescuing animals.  
B. Habitat Earth couldn't help as much without volunteers.  
C. Habitat Earth thinks animals are more important than people.  
**Đáp án:**  
1. homes, office buildings, and roads  
2. B  
3. schools and youth centers  
4. B  
5. B  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: The human population is always glowing, and more people means more homes, more office buildings, and more roads. (Dân số loài người tăng liên tục và nhiều người hơn đồng nghĩa với nhà cửa, tòa nhà văn phòng và đường xá nhiều hơn.)  
2. Thông tin: Animals that lose their habitats to urban expansion often move into cities and cause problems for people and . (Những loài động vật bị mất đi môi trường sống do mở rộng đô thị thường di chuyển vào các thành phố và gây ra nhiều vấn đề cho con người và .)  
3. Thông tin: Volunteers go to schools and youth centers and show children how important it is to maintain habitats. (Các tình nguyện viên đến các trường học và trung tâm thanh thiếu niên và cho trẻ em thấy tầm quan trọng của việc duy trì môi trường sống.)  
4. Thông tin: We are a charity organization that runs programs all across the USA to protect animals and their habitats from destruction. (Chúng tôi là một tổ chức từ thiện thực hiện các chương trình trên khắp Hoa Kỳ để bảo vệ động vật và môi trường sống của chúng khỏi bị phá hoại.)  
5. Thông tin: We are always looking to more volunteers to help protect nature and the environment. (Chúng tôi luôn tìm kiếm thêm tình nguyện viên để giúp bảo vệ tự nhiên và môi trường.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Người ta đang xây dựng cái gì khi dân số ngày càng tăng? – nhà cửa, các tòa nhà văn phòng và đường xá  
2. Từ trong đoạn 3 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. Habitat Earth  
B. các loài động vật  
C. con người  
3. Tình nguyện viên đi đến đâu để giáo dục giới trẻ về môi trường? – các trường học và trung tâm thanh thiếu niên  
4. Theo bài viết, tất cả những điều sau đây đều đúng NGOẠI TRỪ \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. dự án xây dựng gây ra nhiều sự tàn phá  
B. Habitat Earth bảo vệ các loài động vật trên toàn thế giới  
C. cần nhiều tình nguyện viên để giải cứu động vật và giáo dục trẻ em  
5. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài viết?  
A. Habitat Earth chỉ tập trung vào việc thay đổi luật pháp và giải cứu động vật.  
B. Habitat Earth không thể giúp đỡ nhiều nếu không có tình nguyện viên.  
C. Habitat Earth cho rằng động vật quan trọng hơn con người.  
**c. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-48  
**d. In pairs: Would you like to volunteer at Habitat Earth? Why? What do you think is the most important thing they do?** (Theo cặp: Bạn có muốn tình nguyện tại Habitat Earth không? Tại sao? Bạn nghĩ điều quan trọng nhất họ làm là gì?)  
**Gợi ý:**  
A: Would you like to volunteer at Habitat Earth?  
B: I’d like to volunteer at Habitat Earth. Volunteering at Habitat Earth seems like a meaningful way to contribute to environmental conservation. The most important thing they do is likely rescuing endangered animals and reintroducing them to their natural habitats, as this directly saves lives and helps maintain biodiversity.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn có muốn tình nguyện tại Habitat Earth không?  
B: Tôi muốn làm tình nguyện viên tại Habitat Earth. Hoạt động tình nguyện tại Habitat Earth dường như là một cách ý nghĩa để góp phần bảo tồn môi trường. Điều quan trọng nhất họ làm là giải cứu các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và đưa chúng trở lại môi trường sống tự nhiên, vì điều này trực tiếp cứu sống chúng và giúp duy trì đa dạng sinh học.  
  
**Grammar (phần a->e trang 99-100 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about adverbial clauses of condition, then fill in the blank.**  
  
**Đáp án:**  
- As long as people keep leaving trash at the beach, water pollution will get worse.  
- OK. Let’s volunteer for a clean-up.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Chừng nào người ta còn vứt rác ở bãi biển thì tình trạng ô nhiễm nước sẽ ngày càng trầm trọng hơn.  
- Được rồi. Chúng ta hãy đi làm tình nguyện cho 1 buổi dọn dẹp đi.  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện**  
Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện diễn tả một điều kiện cần thiết để một điều gì đó khác xảy ra. Thường bắt đầu bằng **if – nếu, unless – trừ khi, as long as – miễn là, provided that** **– miễn là/với điều kiện là** và **in case – phòng khi/ trong trường hợp**.  
• **If:** đề cập đến một tình huống có thể xảy ra ở hiện tại/tương lai (Câu điều kiện loại 1) hoặc một tình huống không có thật ở hiện tại (Câu điều kiện loại 2)  
**If** we don't reduce pollution, animal populations will continue to decrease. (Nếu chúng ta không giảm thiểu ô nhiễm, quần thể động vật sẽ tiếp tục giảm.)  
**If** I were the mayor, I'd ban plastic bags and bottles. (Nếu tôi là thị trưởng, tôi sẽ cấm túi ni lông và chai lọ.)  
• **Unless:** if ... not (nếu ... không thì)  
Air pollution will continue **unless** we ban cars. (Ô nhiễm không khí sẽ tiếp tục trừ khi chúng ta cấm ô tô.)  
• **As long as/provided that:** only if (với điều kiện là)  
**As long as/Provided that** we have enough volunteers, our campaigns will be successful. (Miễn là chúng tôi có đủ tình nguyện viên thì các chiến dịch của chúng tôi sẽ thành công.)  
• **In case:** nếu việc gì đó xảy ra trong tương lai  
**In case** it rains, we should give volunteers raincoats. (Trong trường hợp trời mưa, chúng ta nên phát áo mưa cho tình nguyện viên.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-49  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện**  
**If** + **Hiện tại đơn,** Tương lai đơn  
**If everyone boycotts companies that are polluting our environment**, they'll have to make changes. (Nếu mọi người tẩy chay những công ty gây ô nhiễm môi trường, họ sẽ phải thay đổi.)  
**If** + **Quá khứ đơn**, … would + V-inf.  
**If fossil fuels were banned worldwide**, we'd be able to slow down global warming. (Nếu nhiên liệu hóa thạch bị cấm trên toàn thế giới, chúng ta có thể làm chậm quá trình nóng lên toàn cầu.)  
**Unless/As long as/Provided that/In case** + **mệnh đề**, mệnh đề chính  
**Unless people stop polluting the rivers**, there won't be any dean water to use. (Trừ khi con người ngừng làm ô nhiễm các dòng sông, nếu không sẽ không có nước sạch để sử dụng.)  
**As long as/Provided that people stop cutting down trees**, the amount of wildlife will increase. (Miễn là con người ngừng chặt cây thì số lượng động vật hoang dã sẽ tăng lên.)  
**In case we can't reintroduce the animals to their habitats**, we should prepare space in the shelter. (Trong trường hợp chúng ta không thể đưa động vật trở lại môi trường sống của chúng, chúng ta nên chuẩn bị không gian trong trại trú ẩn.)  
Chúng ta cũng có thể sử dụng mệnh đề trạng ngữ sau mệnh đề chính.  
Animals will continue to lose their habitats **unless we reduce deforestation**. (Động vật sẽ tiếp tục mất đi môi trường sống trừ khi chúng ta giảm nạn phá rừng.)  
  
  
  
  
**c. Underline the mistakes and write the correct words on the lines.** (Hãy gạch dưới những lỗi sai và viết những từ đúng vào các dòng.)  
1. We can protect marine life, as long as we teach children about the importance of recycling.  
2. Unless we stopping the destruction of habitats, more species will become endangered.  
3. The beach will remain beautiful as long they organize a monthly clean-up.  
4. I'll collect the donations, in case you're busy with training volunteers.  
5. Populations will continue to decrease if we won't stop cutting down trees.  
**Đáp án:**  
1. life, as → life as  
2. stopping → stop  
3. long they → long as they  
4. donations, in → donations in  
5. won’t → don’t  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Chúng ta có thể bảo vệ sinh vật biển miễn là chúng ta giáo dục trẻ em về tầm quan trọng của việc tái chế.  
2. Trừ khi chúng ta ngăn chặn việc phá hủy môi trường sống, nếu không nhiều loài sẽ có nguy cơ tuyệt chủng hơn.  
3. Bãi biển sẽ vẫn đẹp miễn là họ tổ chức dọn dẹp hàng tháng.  
4. Tôi sẽ thu tiền quyên góp trong trường hợp bạn bận đào tạo tình nguyện viên.  
5. Dân số sẽ tiếp tục giảm nếu chúng ta không ngừng chặt cây.  
**d. Choose the sentence that is closest in meaning to each of the following sentences.** (Chọn câu gần nghĩa nhất với mỗi câu sau.)  
1. Unless we breed endangered animals, they will go extinct.  
A. If we breed endangered animals, they will go extinct.  
B. If we don't breed endangered animals, they will go extinct.  
C. In case we breed endangered animals, they won't go extinct.  
2. Rescuers won't reintroduce injured animals to their habitats unless they get better.  
A. As long as rescuers reintroduce injured animals to their habitats, they will get better.  
B. If the animals get better, rescuers will reintroduce them to their habitats.  
C. Provided that animals are reintroduced to habitats, they will get better.  
3. As long as we protest about people overfishing, we will save the fish populations.  
A. Protesting about the fish populations will reduce overfishing.  
B. If we stop overfishing, we can increase fish populations.  
C. We can save the fish populations if we protest about people overfishing.  
4. If we don't boycott it, the company will continue to test products on animals.  
A. The company will stop testing products on animals unless we boycott them.  
B. As long as we boycott them, the company will start testing products on animals.  
C. The company won't stop testing products on animals unless we boycott them.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. B  
  
  
3. C  
  
  
4. C  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Trừ khi chúng ta nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, chúng sẽ bị tuyệt chủng.  
A. Nếu chúng ta nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, chúng sẽ bị tuyệt chủng.  
B. Nếu chúng ta không nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, chúng sẽ bị tuyệt chủng.  
C. Trong trường hợp chúng ta nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng thì chúng sẽ không bị tuyệt chủng.  
2. Lực lượng cứu hộ sẽ không đưa những động vật bị thương trở lại môi trường sống của chúng trừ khi chúng khỏe hơn.  
A. Miễn là lực lượng cứu hộ đưa những động vật bị thương trở lại môi trường sống của chúng, chúng sẽ khỏe lại.  
B. Nếu động vật khỏe hơn, lực lượng cứu hộ sẽ đưa chúng trở lại môi trường sống của chúng.  
C. Với điều kiện là động vật được đưa trở lại môi trường sống, chúng sẽ khỏe hơn.  
3. Miễn là chúng ta phản đối việc người dân đánh bắt quá mức, chúng ta sẽ cứu được quần thể cá.  
A. Phản đối quần thể cá sẽ làm giảm việc đánh bắt quá mức.  
B. Nếu chúng ta ngừng đánh bắt quá mức, chúng ta có thể tăng số lượng cá.  
C. Chúng ta có thể cứu quần thể cá nếu chúng ta phản đối việc người dân đánh bắt quá mức.  
4. Nếu chúng ta không tẩy chay, công ty sẽ tiếp tục thử nghiệm sản phẩm trên động vật.  
A. Công ty sẽ ngừng thử nghiệm sản phẩm trên động vật trừ khi chúng ta tẩy chay các sản phẩm đó.  
B. Miễn là chúng ta tẩy chay các sản phẩm của công ty, họ sẽ bắt đầu thử nghiệm sản phẩm trên động vật.  
C. Công ty sẽ không ngừng thử nghiệm sản phẩm trên động vật trừ khi chúng ta tẩy chay các sản phẩm đó.  
**e. In pairs: Talk about environmental problems near where you live using adverbial clauses of condition and the prompts below.** (Theo cặp: Nói về các vấn đề môi trường gần nơi bạn sống bằng cách sử dụng mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện và các gợi ý bên dưới.)  
  
  
  
  
... unless the government ... (… trừ khi chính phủ …)  
... unless we start ... (… trừ khi chúng ta bắt đầu …)  
... in case they don't ... (… trong trường hợp họ không …)  
As long as we keep ... (Miễn là chúng ta tiếp tục …)  
Provided that companies stop ... (Miễn là các công ty dừng …)   
As long as we build ... (Miễn là chúng ta xây dựng …)  
  
  
  
  
The land will stay polluted unless the government has someone clean it. (Đất sẽ bị ô nhiễm trừ khi chính phủ cử người làm sạch nó.)  
**Gợi ý:**  
- Our environment will continue to degrade, leading to more frequent and severe natural disasters unless we start investing in renewable energy technologies, such as solar and wind power.  
- Our reliance on fossil fuels will exacerbate climate change in case they don't prioritize renewable energy sources.  
- As long as we keep polluting our rivers and lakes with industrial waste, aquatic life will continue to suffer.  
- Provided that companies stop clear-cutting forests for development, we can preserve vital ecosystems and biodiversity.  
- As long as we build more highways and urban infrastructure without considering environmental sustainability, habitats for wildlife will be destroyed.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Môi trường của chúng ta sẽ tiếp tục suy thoái, dẫn đến thiên tai xảy ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn nếu chúng ta không bắt đầu đầu tư vào các công nghệ năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió.  
- Sự phụ thuộc của chúng ta vào nhiên liệu hóa thạch sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng biến đổi khí hậu trong trường hợp chúng ta không ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo.  
- Miễn là chúng ta còn tiếp tục làm ô nhiễm sông hồ bằng chất thải công nghiệp, sự sống thủy sinh sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng.  
- Với điều kiện các công ty ngừng chặt phá rừng để phát triển, chúng ta có thể bảo tồn các hệ sinh thái quan trọng và đa dạng sinh học.  
- Miễn là chúng ta còn xây dựng thêm nhiều đường cao tốc và cơ sở hạ tầng đô thị mà không tính đến tính bền vững của môi trường thì môi trường sống của động vật hoang dã sẽ bị hủy hoại.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 100 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Homophones are different words that sound the same.** (Từ đồng âm là những từ khác nhau được phát âm giống nhau.)  
**aunt/ant** /ænt/ (dì/ con kiến)  
**eight/ate** /eɪt/ (tám/ đã ăn)  
**b. Listen. Notice the sounds of the different words are the same.** (Nghe. Chú ý âm thanh của các từ khác nhau có phát âm giống nhau.)  
there/their  
buy/by  
CD2-50  
**Hướng dẫn dịch:**  
there/their /ðeər/ (ở đó/của họ)   
buy/by /baɪ/ (mua/bằng cách)  
**c. Listen and circle the words that sound the same.** (Hãy nghe và khoanh tròn những từ có phát âm giống nhau.)  
1. read/red  
2. seen/scene  
3. son/sun  
CD2-51  
**Đáp án:**  
2. seen/scene  
3. son/sun  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. read/red /riːd/ /red/ (đọc/màu đỏ)  
2. seen/scene /siːn/ (được nhìn thấy/cảnh vật)  
3. son/sun /sʌn/ (con trai/mặt trời)  
**d. Take turns saying the words in Task c while your partner points to them.** (Lần lượt nói các từ trong Bài tập c trong khi bạn của bạn chỉ vào chúng.)  
  
**Practice (phần a->b trang 101 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then ask and answer questions about the environmental charities using the prompts.** (Nghe, sau đó hỏi và trả lời về tổ chức từ thiện môi trường, sử dụng các gợi ý.)  
CD2-52  
- What do you think about Forest Friends?  
- I think they're great. They rescue endangered animals and breed them.  
- That's great.  
- Yeah. As long as they keep doing that, the animals won't go extinct.  
- Amazing. What else do they do?  
  
**Gợi ý:**  
- What do you think about Forest Friends?  
- I think they're great. They rescue endangered animals and breed them.  
- That's great.  
- Yeah. As long as they keep doing that, the animals won't go extinct.  
- Amazing. What else do they do?  
- They also protest against deforestation.  
- That's important.  
- Yes. Many animals will suffer unless more people care about deforestation.  
\*\*\*  
- What do you think about The World's a Garden?  
- I think they do wonderful work. They build community gardens around the USA.  
- That's fantastic.  
- Yes. It will reduce air pollution as long as they keep doing it.  
- Really impressive. What else do they do?  
- They teach children about the importance of recycling.  
- That's very educational.  
- Yes. As long as everyone recycles, land pollution will not get worse.  
\*\*\*  
- What do you think about Safe Play?  
- I think they are very helpful. They organize park clean-ups.  
- That's great for the community.  
- Yes. If parks are not clean, children will not use them.  
- True. What else do they focus on?  
- They build parks in large cities.  
- That's necessary.  
- Yes. Cities will continue to lack wildlife unless they have more habitats.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Bạn nghĩ gì về Forest Friends?  
- Tôi nghĩ rằng họ rất tuyệt vời. Họ giải cứu các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và nhân giống chúng.  
- Điều đó thật tuyệt.  
- Đúng vậy. Miễn là họ tiếp tục làm như vậy thì các loài động vật sẽ không bị tuyệt chủng.  
- Tuyệt vời. Họ còn làm gì nữa?  
- Họ còn phản đối nạn phá rừng.  
- Điều đó rất quan trọng.  
- Đúng vậy. Nhiều loài động vật sẽ chịu hậu quả nếu không có nhiều người quan tâm đến nạn phá rừng.  
\*\*\*  
- Bạn nghĩ gì về The World's a Garden?  
- Tôi nghĩ rằng họ làm công việc rất tuyệt vời. Họ xây dựng các vườn cộng đồng trên khắp nước Mỹ.  
- Điều đó thật tuyệt vời.  
- Đúng vậy. Điều đó sẽ làm giảm ô nhiễm không khí miễn là họ tiếp tục xây vườn cộng đồng.  
- Thật ấn tượng. Họ còn làm gì nữa?  
- Họ còn giáo dục trẻ em về tầm quan trọng của việc tái chế.  
- Điều đó rất có tính giáo dục.  
- Đúng vậy. Miễn là mọi người tái chế, tình trạng ô nhiễm đất sẽ không trở nên tồi tệ hơn.  
\*\*\*  
- Bạn nghĩ gì về Safe Play?  
- Tôi nghĩ rằng họ rất hữu ích. Họ tổ chức các buổi dọn dẹp công viên.  
- Điều đó có lợi cho cộng đồng.  
- Đúng vậy. Nếu công viên không sạch sẽ, trẻ em sẽ không sử dụng chúng.  
- Đúng vậy. Họ còn tập trung vào điều gì nữa?  
- Họ xây dựng các công viên trong các thành phố lớn.  
- Điều đó rất cần thiết.  
- Đúng vậy. Các thành phố sẽ tiếp tục thiếu động vật hoang dã nếu không có thêm môi trường sống cho chúng.  
**b. Practice again with your own ideas.** (Thực hành lại với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
- What do you think about EcoGuardians?  
- I think they're doing really important work.  
- Oh yeah? What do they do?  
- Well, they focus on cleaning up polluted rivers and lakes. As long as they keep doing that, the aquatic ecosystems will improve.  
- That's impressive. What else are they involved in?  
- They also organize beach clean-up events. Unless beaches are kept clean, marine life and beachgoers won't be able to enjoy them.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Bạn nghĩ gì về EcoGuardians?  
- Tôi nghĩ họ đang làm công việc thực sự quan trọng.  
- Ồ vậy à? Họ làm gì thế?  
- À, họ tập trung vào việc làm sạch sông hồ bị ô nhiễm. Chỉ cần họ tiếp tục làm điều đó thì hệ sinh thái dưới nước sẽ được cải thiện.  
- Ấn tượng đấy. Họ còn tham gia vào việc gì nữa?  
- Họ còn tổ chức các sự kiện làm sạch bãi biển. Trừ khi các bãi biển được giữ sạch sẽ, sinh vật biển và những người đi biển sẽ không thể tận hưởng chúng.  
  
**Speaking (phần a->b trang 101 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
TOGETHER, WE CAN HELP!  
**a. You and your friends want to volunteer for an environmental charity. In pairs: Read about the two charities' work below and discuss their impact on the environment. Then choose which charity you want to volunteer for.** (Bạn và bạn bè của bạn muốn tình nguyện cho một tổ chức từ thiện môi trường. Theo cặp: Đọc về công việc của hai tổ chức từ thiện dưới đây và thảo luận về tác động của chúng đối với môi trường. Sau đó chọn tổ chức từ thiện mà bạn muốn tình nguyện.)  
- I think organizing beach clean-ups is pretty important. (Tôi nghĩ việc tổ chức dọn dẹp bãi biển là khá quan trọng.)  
- I agree. The beaches will get dirty, and tourists won't visit them unless we clean them up. (Tôi đồng ý. Các bãi biển sẽ bẩn và khách du lịch sẽ không đến thăm trừ khi chúng ta dọn sạch chúng.)  
- You're right. As long as they look nice, lots of tourists will still visit them. (Bạn nói đúng. Miễn là chúng trông đẹp thì rất nhiều khách du lịch vẫn sẽ đến thăm chúng.)  
  
  
  
  
**A Drop in the Ocean**  
**(Một giọt nước trong đại dương)**  
  
  
**Forever Forests**  
**(Rừng vĩnh cửu)**  
  
  
  
  
• Organize beach clean-ups (Tổ chức dọn dẹp bãi biển)  
  
  
• Fight for laws to reduce deforestation (Đấu tranh đòi luật giảm nạn phá rừng)  
  
  
  
  
• Rescue endangered or injured marine life (Cứu hộ sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị thương)  
  
  
• Plant trees to rebuild animals' habitats (Trồng cây để xây dựng lại môi trường sống của động vật)  
  
  
  
  
• Protest against overfishing (Phản đối việc đánh bắt quá mức)  
  
  
• Rescue and breed endangered forest animals (Cứu hộ và nhân giống các loài động vật rừng có nguy cơ tuyệt chủng)  
  
  
  
  
• Inform the public about companies that pollute the oceans (Thông báo cho công chúng biết về các công ty gây ô nhiễm đại dương)  
  
  
• Teach children about the importance of forests (Giáo dục trẻ về tầm quan trọng của rừng)  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
A: Have you heard about the recent efforts to rescue endangered or injured marine life?  
B: Yes, I think it's incredible how organizations are dedicated to saving marine animals.  
A: Absolutely. By rescuing these animals, they're not only preventing species extinction but also preserving the balance of marine ecosystems.  
B: Definitely. It's crucial for maintaining biodiversity and the health of our oceans.  
A: I read about protests against overfishing. What are your thoughts on that?  
B: Overfishing is a significant issue that threatens the stability of marine ecosystems and the livelihoods of coastal communities.  
A: Exactly. By protesting against overfishing, organizations are advocating for sustainable fishing practices and the protection of fish stocks.  
B: Their actions can lead to better management of fisheries and the restoration of depleted fish populations.  
A: Did you know that some organizations are informing the public about companies that pollute the oceans?  
B: Yes, I think it's important for consumers to be aware of the environmental impact of their purchasing decisions.  
A: Absolutely. By raising awareness about ocean pollution, these organizations are encouraging people to make more sustainable choices and hold polluting companies accountable.  
B: It's a crucial step towards reducing marine pollution and protecting our oceans for future generations.  
A: Have you heard about the fight for laws to reduce deforestation?  
B: Yes, deforestation is a pressing issue that contributes to habitat loss, biodiversity decline, and climate change.  
A: By advocating for laws to reduce deforestation, organizations are working towards preserving forest ecosystems and mitigating the effects of climate change.  
B: Their efforts can lead to improved forest management practices and the protection of invaluable ecosystems.  
A: I recently learned about initiatives to plant trees to rebuild animals' habitats. What do you think?  
B: Planting trees is essential for restoring degraded habitats and providing homes for wildlife.  
A: Exactly. By planting trees, organizations are not only promoting biodiversity but also sequestering carbon and mitigating climate change.  
B: Their actions contribute to the restoration of ecosystems and the conservation of endangered species.  
A: Have you heard about organizations that rescue and breed endangered forest animals?  
B: Yes, I think it's commendable how they're working to prevent species extinction and preserve genetic diversity.  
A: Absolutely. By rescuing and breeding endangered animals, they're helping to maintain healthy forest ecosystems and protect the ecosystem.  
B: Their efforts are vital for conserving biodiversity and ensuring the survival of endangered species.  
A: Lastly, what do you think about teaching children about the importance of forests?  
B: I believe it's crucial to educate children about the value of forests and instill a sense of environmental stewardship from a young age.  
A: Definitely. By teaching children about forests, organizations are fostering a deeper appreciation for nature and empowering future generations to protect our natural resources.  
B: Their education programs can inspire children to become environmental advocates and make positive contributions to conservation efforts.  
- We believe that volunteering for Forever Forests will allow us to make a significant and lasting impact on the environment by addressing the root causes of deforestation and promoting conservation efforts in forests worldwide.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn đã nghe nói về những nỗ lực gần đây để giải cứu sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị thương chưa?  
B: Có, tôi nghĩ thật đáng kinh ngạc khi các tổ chức lại tận tâm cứu lấy động vật biển.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách giải cứu những loài động vật này, họ không chỉ ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài mà còn bảo vệ sự cân bằng của hệ sinh thái biển.  
B: Đúng vậy. Điều quan trọng là duy trì đa dạng sinh học và sức khỏe của đại dương của chúng ta.  
A: Tôi đã đọc về các cuộc biểu tình phản đối việc đánh bắt quá mức. Bạn có suy nghĩ gì về việc đó?  
B: Đánh bắt quá mức là một vấn đề nghiêm trọng đe dọa sự ổn định của hệ sinh thái biển và sinh kế của các cộng đồng ven biển.  
A: Chính xác. Bằng cách biểu tình việc đánh bắt quá mức, các tổ chức đang ủng hộ các hoạt động đánh bắt bền vững và bảo vệ nguồn cá.  
B: Hành động của họ có thể giúp việc quản lý nghề cá tốt hơn và phục hồi quần thể cá đang dần khan hiếm.  
A: Bạn có biết rằng một số tổ chức đang thông báo cho công chúng biết về các công ty gây ô nhiễm đại dương không?  
B: Có, tôi nghĩ điều quan trọng là người tiêu dùng phải nhận thức được tác động môi trường từ các quyết định mua hàng của họ.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách nâng cao nhận thức về ô nhiễm đại dương, các tổ chức này đang khuyến khích mọi người đưa ra những lựa chọn bền vững hơn và yêu cầu các công ty gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm.  
B: Đó là một bước quan trọng hướng tới việc giảm ô nhiễm biển và bảo vệ đại dương của chúng ta cho các thế hệ tương lai.  
A: Bạn đã nghe nói về cuộc đấu tranh ủng hộ luật giảm nạn phá rừng chưa?  
B: Rồi, nạn phá rừng là một vấn đề cấp bách làm mất môi trường sống, suy giảm đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu.  
A: Bằng cách ủng hộ luật giảm nạn phá rừng, các tổ chức đang nỗ lực bảo tồn hệ sinh thái rừng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.  
B: Những nỗ lực của họ có thể dẫn đến cải thiện các hoạt động quản lý rừng và bảo vệ các hệ sinh thái vô giá.  
A: Gần đây tôi đã biết về sáng kiến trồng cây để xây dựng lại môi trường sống của động vật. Bạn nghĩ sao?  
B: Trồng cây là điều cần thiết để khôi phục môi trường sống bị suy thoái và cung cấp chỗ ở cho động vật hoang dã.  
A: Chính xác. Bằng cách trồng cây, các tổ chức không chỉ thúc đẩy đa dạng sinh học mà còn làm giảm lượng carbon và giảm thiểu biến đổi khí hậu.  
B: Hành động của họ góp phần phục hồi hệ sinh thái và bảo tồn các loài có nguy cơ tuyệt chủng.  
A: Bạn đã nghe nói về các tổ chức cứu hộ và nhân giống các loài động vật rừng có nguy cơ tuyệt chủng chưa?  
B: Rồi, tôi nghĩ thật đáng khen ngợi cách họ đang nỗ lực ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài và bảo tồn sự đa dạng di truyền.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách giải cứu và nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, họ đang giúp duy trì hệ sinh thái rừng khỏe mạnh và bảo vệ hệ sinh thái.  
B: Những nỗ lực của họ rất quan trọng để bảo tồn đa dạng sinh học và đảm bảo sự sống sót của các loài có nguy cơ tuyệt chủng.  
A: Cuối cùng, bạn nghĩ gì về việc giáo dục trẻ em về tầm quan trọng của rừng?  
B: Tôi tin rằng việc giáo dục trẻ em về giá trị của rừng và thấm nhuần ý thức quản lý môi trường từ khi còn nhỏ là rất quan trọng.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách giáo dục trẻ em về rừng, các tổ chức đang nuôi dưỡng sự trân trọng sâu sắc hơn đối với thiên nhiên và trao quyền cho các thế hệ tương lai để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của chúng ta.  
B: Các chương trình giáo dục của họ có thể truyền cảm hứng cho trẻ em trở thành những người ủng hộ môi trường và đóng góp tích cực cho các nỗ lực bảo tồn.  
- Chúng tôi tin rằng hoạt động tình nguyện cho Forever Forests sẽ cho phép chúng tôi tạo ra tác động đáng kể và lâu dài đến môi trường bằng cách giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của nạn phá rừng và thúc đẩy các nỗ lực bảo tồn rừng trên toàn thế giới.  
**b. Join another pair. Do you agree on the importance of each charity? Do you have the same reasons?** (Tham gia một cặp khác. Bạn có đồng ý về tầm quan trọng của mỗi tổ chức từ thiện không? Bạn có lý do tương tự không?)  
- We thought the work of A Drop in the Ocean was really important. (Chúng tôi nghĩ công việc của tổ chức A Drop in the Ocean thực sự quan trọng.)  
- So did we. Unless we fight to stop overfishing, there won't be many fish left in the oceans. (Chúng tôi cũng nghĩ vậy. Trừ khi chúng ta đấu tranh để ngăn chặn việc đánh bắt quá mức, sẽ không còn nhiều cá ở các đại dương nữa.)  
**Gợi ý:**  
C: Absolutely, overfishing is a significant threat to marine ecosystems and global food security.  
D: Yes, by addressing overfishing, organizations like A Drop in the Ocean are safeguarding the health of marine environments and ensuring sustainable fisheries for future generations.  
A: Exactly. And their efforts to rescue endangered marine life also contribute to the preservation of biodiversity.  
B: Definitely. By rescuing endangered marine species, they're preventing further declines in population numbers and protecting the balance of marine ecosystems.  
**Hướng dẫn dịch:**  
C: Chắc chắn rồi, đánh bắt quá mức là mối đe dọa lớn đối với hệ sinh thái biển và an ninh lương thực toàn cầu.  
D: Đúng vậy, bằng cách giải quyết tình trạng đánh bắt quá mức, các tổ chức như A Drop in the Ocean đang bảo vệ sức khỏe của môi trường biển và đảm bảo nghề cá bền vững cho các thế hệ tương lai.  
A: Chính xác. Và những nỗ lực giải cứu sinh vật biển đang bị đe dọa của họ cũng góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.  
B: Chắc chắn rồi. Bằng cách giải cứu các loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng, họ đang ngăn chặn sự suy giảm thêm về số lượng quần thể và bảo vệ sự cân bằng của hệ sinh thái biển.  
**Unit 9 Lesson 2 (trang 102, 103, 104, 105)**  
**Let's Talk! (trang 102 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What can you see? What other things do people and organizations do that are bad for the environment? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Bạn có thể nhìn thấy điều gì? Mọi người và các tổ chức còn làm những việc gì khác có hại cho môi trường?)  
  
**Gợi ý:**  
I saw organic waste and cutting down forests for wood.  
There are several actions that people and organizations engage in that are harmful to the environment. First, clearing large areas of forests for agriculture, urban development, or logging purposes contributes to habitat loss, soil erosion, and loss of biodiversity. Second, harvesting fish from oceans and water bodies at a rate that exceeds their natural reproduction capacity can lead to depletion of fish populations, disruption of marine ecosystems, and loss of biodiversity. Third, the widespread use of single-use plastics such as bags, bottles, and straws contributes to plastic pollution in oceans, rivers, and landfills, harming marine life and ecosystems. Last, reliance on fossil fuels for energy production and inefficient use of energy in buildings, transportation, and industry contribute to greenhouse gas emissions, climate change, and air pollution.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi nhìn thấy rác thải hữu cơ và nạn chặt phá rừng để lấy gỗ.  
Có một số hành động mà mọi người và các tổ chức làm có hại cho môi trường. Đầu tiên, việc phá rừng diện rộng để phục vụ mục đích nông nghiệp, phát triển đô thị hoặc khai thác gỗ góp phần làm mất môi trường sống, xói mòn đất và mất đa dạng sinh học. Thứ hai, việc đánh bắt cá từ đại dương và các vùng nước với tốc độ vượt quá khả năng sinh sản tự nhiên của chúng có thể dẫn đến sự suy giảm quần thể cá, phá vỡ hệ sinh thái biển và mất đa dạng sinh học. Thứ ba, việc sử dụng rộng rãi các loại nhựa dùng một lần như túi, chai, ống hút góp phần gây ô nhiễm nhựa ở đại dương, sông ngòi và bãi rác, gây hại cho sinh vật biển và hệ sinh thái. Cuối cùng, việc dựa vào nhiên liệu hóa thạch để sản xuất năng lượng và sử dụng năng lượng không hiệu quả trong các tòa nhà, giao thông và công nghiệp góp phần gây ra phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí.  
  
**New Words (phần a->c trang 102 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the sentences and match the words with the definitions. Listen and repeat.** (Đọc các câu và nối các từ với định nghĩa. Lắng nghe và lặp lại.)  
a. My is really low. I only have a bicycle, and I never use the air conditioner.  
b. The government gives s to businesses for being environmentally friendly, such as paying less tax.  
c. Eco-friendly companies get a lot of good on TV and in newspapers. The media always writes positive stories about them.  
d. I'll them to turn off the air conditioner at night by showing them how much electricity and money they will save.  
e. We have to him. He broke the rules. I think he should clean the classroom for the whole month.  
f. The coal power station s so many things into the air. Too much smoke comes out of that power station.  
g. I'm really of the amount of plastic I buy. I think about it every time I go to the supermarket.  
h. Gas- cars are much worse for the environment than electric cars.  
1. : send out something such as light, heat, or gas  
2. \_\_\_\_\_\_\_: the amount of CO2 that is produced by the actions of a person or company  
3. \_\_\_\_\_\_\_: the attention given to somebody or something by the media  
4. \_\_\_\_\_\_\_: something that encourages you to do something  
5. \_\_\_\_\_\_\_: make someone suffer because they have done something wrong  
6. \_\_\_\_\_\_\_: persuade someone to do something  
7. \_\_\_\_\_\_\_: operated by a type of energy  
8. \_\_\_\_\_\_\_: worrying about something, mainly your own actions or behavior  
CD2-53  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. emit  
  
  
2. carbon footprint  
  
  
3. publicity  
  
  
4. incentive  
  
  
  
  
5. punish  
  
  
6. convince  
  
  
7. powered  
  
  
8. conscious  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
a. của tôi thực sự thấp. Tôi chỉ có một chiếc xe đạp và tôi không bao giờ sử dụng điều hòa.  
b. Chính phủ đưa ra nhiều chính sách cho các doanh nghiệp thân thiện với môi trường, chẳng hạn như đóng ít thuế hơn.  
c. Các công ty thân thiện với môi trường nhận được nhiềutốt đẹp trên tivi và báo chí. Các phương tiện truyền thông luôn viết những câu chuyện tích cực về họ.  
d. Tôi sẽ họ tắt điều hòa vào ban đêm bằng cách cho họ thấy họ sẽ tiết kiệm được bao nhiêu điện và tiền.  
e. Chúng ta phải cậu ta. Cậu ta đã vi phạm quy định. Tôi nghĩ cậu ta nên dọn dẹp lớp học cả tháng.  
f. Nhà máy điện than rất nhiều thứ vào không khí. Quá nhiều khói bay ra từ nhà máy điện đó.  
g. Tôi thực sự về số lượng nhựa tôi mua. Tôi nghĩ về điều đó mỗi khi đi siêu thị.  
h. Ô tô xăng gây hại cho môi trường hơn nhiều so với ô tô điện.  
1. : phát ra thứ gì đó như ánh sáng, nhiệt hoặc khí  
2. : lượng khí CO2 sinh ra từ hành động của một cá nhân hoặc công ty  
3. : sự chú ý của giới truyền thông dành cho ai đó hoặc điều gì đó  
4. : điều gì đó khuyến khích bạn làm điều gì đó  
5. : làm ai đó bị phạt vì họ đã làm sai điều gì đó  
6. : thuyết phục ai đó làm gì  
7. : vận hành bằng một loại năng lượng  
8. : lo lắng về điều gì đó, chủ yếu là về hành động hoặc hành vi của bản thân  
**b. What can stop people from harming the environment?** (Điều gì có thể ngăn chặn con người làm hại môi trường?)  
**Gợi ý:**  
- Increasing public awareness about environmental issues and their consequences can lead to more informed decision-making.  
- Implementing and enforcing strict environmental regulations can serve as a deterrent against harmful practices.  
- Providing economic incentives for environmentally friendly behavior, such as tax breaks or subsidies for renewable energy projects, can encourage individuals and businesses to adopt sustainable practices.  
- Advancements in technology can provide alternative solutions that are less harmful to the environment.  
- Grassroots movements, environmental activism, and public pressure can influence policymakers, businesses, and industries to prioritize environmental protection.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Nâng cao nhận thức cộng đồng về các vấn đề môi trường và hậu quả của chúng có thể giúp đưa ra quyết định sáng suốt hơn.  
- Việc thực hiện và thực thi các quy định nghiêm ngặt về môi trường có thể đóng vai trò ngăn chặn các hành vi có hại.  
- Cung cấp các ưu đãi về kinh tế đối với hành vi thân thiện với môi trường, chẳng hạn như giảm thuế hoặc trợ cấp cho các dự án năng lượng tái tạo, có thể khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp áp dụng các hoạt động bền vững.  
- Những tiến bộ về công nghệ có thể cung cấp các giải pháp thay thế ít gây hại cho môi trường.  
- Các phong trào cấp cơ sở, hoạt động vì môi trường và áp lực của dư luận có thể tác động đến các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và các ngành công nghiệp để ưu tiên bảo vệ môi trường.  
**c. In pairs: Use the new words to talk about why people and organizations should take better care of the environment.** (Theo cặp: Sử dụng những từ mới để nói về lý do tại sao mọi người và các tổ chức nên quan tâm tới môi trường hơn.)  
Businesses should be more conscious of the energy they use. They could get good publicity. (Các doanh nghiệp nên có ý thức hơn về năng lượng họ sử dụng. Họ có thể nhận được sự chú ý tích cực.)  
**Gợi ý:**  
It's essential for individuals and organizations to reduce their carbon footprint to mitigate climate change and minimize their impact on the planet's ecosystems.  
Governments and policymakers can provide incentives for environmentally friendly practices, such as tax breaks or subsidies, to encourage individuals and organizations to adopt sustainable behaviors.  
Failure to take care of the environment can result in punishment, such as fines or legal consequences, for violating environmental regulations and causing harm to ecosystems.  
By understanding the environmental benefits and long-term sustainability of eco-friendly practices, individuals and organizations can be convinced to prioritize environmental stewardship in their decision-making processes.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Điều cần thiết là các cá nhân và tổ chức phải giảm lượng khí thải carbon để giảm thiểu biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động của chúng đối với hệ sinh thái hành tinh.  
Chính phủ và các nhà hoạch định chính sách có thể đưa ra các ưu đãi cho các hoạt động thân thiện với môi trường, chẳng hạn như giảm thuế hoặc trợ cấp, để khuyến khích các cá nhân và tổ chức áp dụng các hành vi bền vững.  
Việc không quan tâm đến môi trường có thể bị phạt, chẳng hạn như phạt tiền hoặc chịu trách nhiệm pháp lý nếu vi phạm các quy định về môi trường và gây tổn hại cho hệ sinh thái.  
Bằng cách hiểu được lợi ích môi trường và tính bền vững lâu dài của các hoạt động thân thiện với môi trường, các cá nhân và tổ chức có thể được thuyết phục ưu tiên quản lý môi trường trong quá trình ra quyết định của họ.  
  
**Listening (phần a->f trang 103 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You will hear two students planning a presentation about what people can do to protect the environment. What do you think they will talk about? Circle three.** (Bạn sẽ nghe hai học sinh lên kế hoạch thuyết trình về những gì mọi người có thể làm để bảo vệ môi trường. Bạn nghĩ họ sẽ nói về điều gì? Hãy khoanh tròn ba ý.)  
❑ driving electric cars (lái ô tô điện)  
❑ convincing others to protect the environment (thuyết phục người khác bảo vệ môi trường)  
❑ protesting at fossil fuel events (phản đối các sự kiện nhiên liệu hóa thạch)  
❑ avoiding wasting food (tránh lãng phí thực phẩm)  
❑ being more energy conscious (có ý thức hơn về năng lượng)  
❑ starting a neighborhood environmental group (thành lập nhóm môi trường khu dân cư)  
(Học sinh tự trả lời.)  
**b. Now, listen and tick the things they talk about. How many did you guess correctly?** (Bây giờ, hãy lắng nghe và đánh dấu vào những điều họ nói đến. Bạn đã đoán đúng bao nhiêu?)  
CD2-54  
**Đáp án:**  
❑ driving electric cars (lái ô tô điện)  
❑ convincing others to protect the environment (thuyết phục người khác bảo vệ môi trường)  
❑ avoiding wasting food (tránh lãng phí thực phẩm)  
❑ being more energy conscious (có ý thức hơn về năng lượng)  
**Nội dung bài nghe:**  
Mark: Let's finish our presentation Emily.  
Emily: Okay, let's do it.  
Mark: I made a list of different things people could do to protect the environment.  
Emily: Great. So now we need to explain them. What's the first one?  
Mark: It's to avoid wasting food.  
Emily: What would the effect be if people didn't waste food?  
Mark: They'd reduce their carbon footprint.  
Emily: Could you explain that?  
Mark: Sure. Growing and making food uses lots of energy. The less food people waste, the less energy will be wasted.  
Emily: Okay, what's the next point?  
Mark: People could convince others to protect the environment.  
Emily: Like recycling, not littering, things like that?  
Mark: Yeah, exactly.  
Emily: How could they do it?  
Mark: Maybe parents teach their children. Children should also show their parents and friends if they learn about it at school.  
Emily: Yeah, that could work. The more people help, the more the environment will benefit.  
Mark: Great. The next one is using electric cars.  
Emily: Oh, that would reduce someone's carbon footprint too.  
Mark: Yep. The more electric cars there are, the less CO2 we will emit.  
Emily: People would also save money on fuel. They could use that money to buy eco-friendly foods.  
Mark: Yeah, I don't understand why people still use gas-powered cars.  
Emily: Me neither.  
Mark: Okay, last one. People should be more energy conscious.  
Emily: Could you be more specific?  
Mark: People should be conscious of how many lights they have on, how much they use air conditioners, things like that.  
Emily: I see.  
Mark: Yeah, the more energy conscious people there are, the less energy will be used.  
Emily: Great. Okay. I think we have enough to talk about.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Mark: Chúng ta hãy hoàn thành bài thuyết trình của chúng ta nào Emily.  
Emily: Được rồi, làm thôi.  
Mark: Tôi đã lập danh sách những điều khác nhau mà mọi người có thể làm để bảo vệ môi trường.  
Emily: Tuyệt vời. Vậy bây giờ chúng ta cần giải thích chúng. Điều đầu tiên là gì?  
Mark: Đó là để tránh lãng phí thực phẩm.  
Emily: Tác động sẽ như thế nào nếu mọi người không lãng phí thực phẩm?  
Mark: Họ sẽ giảm lượng khí thải carbon.  
Emily: Bạn có thể giải thích điều đó được không?  
Mark: Chắc chắn rồi. Trồng trọt và chế biến thực phẩm tốn rất nhiều năng lượng. Con người càng ít lãng phí thực phẩm thì càng ít lãng phí năng lượng.  
Emily: Được rồi, điều tiếp theo là gì?  
Mark: Mọi người có thể thuyết phục người khác bảo vệ môi trường.  
Emily: Chẳng hạn như tái chế, không xả rác, những điều tương tự như vậy à?  
Mark: Ồ, chính xác.  
Emily: Làm thế nào họ có thể làm điều đó?  
Mark: Có lẽ cha mẹ giáo dục con cái. Trẻ em cũng nên cho cha mẹ và bạn bè biết nếu học được điều đó ở trường.  
Emily: Ồ, điều đó có thể hiệu quả. Càng nhiều người giúp đỡ thì môi trường sẽ càng được hưởng lợi.  
Mark: Tuyệt vời. Tiếp theo là sử dụng ô tô điện.  
Emily: Ồ, điều đó cũng sẽ làm giảm lượng khí thải carbon của ai đó.  
Mark: Đúng. Càng có nhiều ô tô điện thì chúng ta sẽ thải ra càng ít khí CO2.  
Emily: Mọi người cũng sẽ tiết kiệm được tiền nhiên liệu. Họ có thể sử dụng số tiền đó để mua thực phẩm thân thiện với môi trường.  
Mark: Ừ, tôi không hiểu tại sao người ta vẫn dùng xe chạy bằng xăng.  
Emily: Tôi cũng vậy.  
Mark: Được rồi, điều cuối cùng. Mọi người nên có ý thức hơn về năng lượng.  
Emily: Bạn có thể nói cụ thể hơn được không?  
Mark: Mọi người nên ý thức được mình bật bao nhiêu đèn, sử dụng bao nhiêu máy điều hòa, những thứ tương tự như vậy.  
Emily: Tôi hiểu rồi.  
Mark: Ừ, càng có nhiều người có ý thức về năng lượng thì năng lượng sử dụng càng ít hơn.  
Emily: Tuyệt vời. Được rồi. Tôi nghĩ chúng ta có đủ thông tin để thuyết trình rồi.  
**c. Listen again and answer the questions.** (Nghe lại lần nữa và trả lời câu hỏi.)  
1. What has Mark already done for the presentation?  
2. What does Mark say uses lots of energy?  
3. Who does Mark think people should teach?  
4. What doesn't Mark understand?  
5. What will help people use less energy?  
CD2-54  
**Đáp án:**  
1. a list of different things people could do to protect the environment  
2. growing and making food  
3. parents, children, and their friends  
4. why people still use gas-powered cars  
5. being more energy conscious  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Mark: I made a list of different things people could do to protect the environment. (Tôi đã lập danh sách những điều khác nhau mà mọi người có thể làm để bảo vệ môi trường.)  
2. Thông tin: Mark: Sure. Growing and making food uses lots of energy. The less food people waste, the less energy will be wasted. (Chắc chắn rồi. Trồng trọt và chế biến thực phẩm tốn rất nhiều năng lượng. Con người càng ít lãng phí thực phẩm thì càng ít lãng phí năng lượng.)  
3. Thông tin: Mark: Maybe parents teach their children. Children should also show their parents and friends if they learn about it at school. (Có lẽ cha mẹ giáo dục con cái. Trẻ em cũng nên cho cha mẹ và bạn bè biết nếu học được điều đó ở trường.)  
4. Thông tin: Mark: Yeah, I don't understand why people still use gas-powered cars. (Ừ, tôi không hiểu tại sao người ta vẫn dùng xe chạy bằng xăng.)  
5. Thông tin: Mark: Yeah, the more energy conscious people there are, the less energy will be used. (Ừ, càng có nhiều người có ý thức về năng lượng thì năng lượng sử dụng càng ít hơn.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Mark đã lập cái gì cho bài thuyết trình? - danh sách những việc khác nhau mà mọi người có thể làm để bảo vệ môi trường  
2. Mark nói điều gì tốn nhiều năng lượng? - trồng trọt và chế biến thực phẩm  
3. Mark nghĩ mọi người nên giáo dục ai? - cha mẹ, con cái và bạn bè của họ  
4. Mark không hiểu điều gì? - tại sao người ta vẫn sử dụng ô tô chạy bằng xăng  
5. Điều gì sẽ giúp con người sử dụng ít năng lượng hơn? - có ý thức hơn về năng lượng  
**d. Read the Conversation Skill box, then listen and repeat.** (Đọc bảng Kỹ năng hội thoại, sau đó nghe và lặp lại.)  
CD2-55  
  
  
  
  
  
**Conversation Skill**  
**Asking for clarification**  
To ask someone to clarify what they are talking about, say:  
*Could you explain that?*  
*Could you be more specific?*  
  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
  
**Kỹ năng hội thoại**  
**Yêu cầu làm rõ ý**  
Để yêu cầu ai đó làm rõ những gì họ đang nói, hãy nói:  
*Could you explain that?(Bạn có thể giải thích điều đó không?)*  
*Could you be more specific?(Bạn có thể nói cụ thể hơn không?)*  
  
  
  
  
  
**e. Now, listen to the conversation again and number the phrases in the correct order.** (Bây giờ, hãy nghe lại đoạn hội thoại và đánh số các cụm từ theo đúng thứ tự.)  
CD2-54  
**Đáp án:**  
1. Could you explain that?  
2. Could you be more specific?  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bạn có thể giải thích điều đó không?  
2. Bạn có thể nói cụ thể hơn không?  
**f. In pairs: Which change do you think would make the biggest difference? Why?** (Theo cặp: Bạn nghĩ thay đổi nào sẽ tạo ra sự khác biệt lớn nhất? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
In terms of making the biggest difference in improving environmental sustainability, driving electric cars could be one of the most impactful changes. First, electric cars produce fewer greenhouse gas emissions compared to traditional internal combustion engine vehicles that run on fossil fuels. By switching to electric vehicles, individuals can significantly reduce their carbon footprint and contribute to mitigating climate change. Second, electric cars can be powered by electricity generated from renewable energy sources such as solar, wind, and hydroelectric power. By driving electric vehicles, individuals can indirectly support the expansion of renewable energy infrastructure, further reducing reliance on fossil fuels and promoting a transition to cleaner energy sources. Last, electric vehicles produce zero tailpipe emissions, which helps improve air quality and reduce air pollution in urban areas. By reducing emissions of pollutants such as nitrogen oxides, particulate matter, and volatile organic compounds, electric cars can contribute to better respiratory health and overall environmental quality.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Xét về việc tạo ra sự khác biệt lớn nhất trong việc cải thiện tính bền vững của môi trường, việc lái xe ô tô điện có thể là một trong những thay đổi có tác động mạnh mẽ nhất. Đầu tiên, ô tô điện tạo ra ít khí thải nhà kính hơn so với các phương tiện động cơ đốt trong truyền thống chạy bằng nhiên liệu hóa thạch. Bằng cách chuyển sang sử dụng xe điện, các cá nhân có thể giảm đáng kể lượng khí thải carbon và góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu. Thứ hai, ô tô điện có thể chạy bằng điện được tạo ra từ các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió và thủy điện. Bằng cách lái xe điện, các cá nhân có thể gián tiếp hỗ trợ việc mở rộng cơ sở hạ tầng năng lượng tái tạo, giảm hơn nữa sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang các nguồn năng lượng sạch hơn. Cuối cùng, xe điện không tạo ra khí thải từ ống xả, giúp cải thiện chất lượng không khí và giảm ô nhiễm không khí ở khu vực thành thị. Bằng cách giảm lượng khí thải các chất ô nhiễm như oxit nitơ, chất dạng hạt và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, ô tô điện có thể góp phần cải thiện sức khỏe hô hấp và chất lượng môi trường nói chung.  
  
**Grammar (phần a->e trang 103-104 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about double comparatives, then fill in the blanks.** (Đọc về so sánh kép, sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
The more renewable energy we use, the less CO2 will be emitted.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chúng ta càng sử dụng nhiều năng lượng tái tạo thì lượng khí CO2 thải ra càng ít.  
  
  
  
  
**So sánh kép**  
Chúng ta có thể sử dụng so sánh kép để diễn tả điều gì đó thay đổi liên tục.  
**• Tính từ/Trạng từ dạng so sánh hơn and Tính từ/Trạng từ dạng so sánh hơn**  
Pollution is getting **worse and worse**. (Tình trạng ô nhiễm đang ngày càng trầm trọng.)  
**• more and more/less and less + Tính từ**  
People are becoming **less and less careless**. (Mọi người ngày ngày càng trở nên ít bất cẩn hơn.)  
**• more and more/fewer and fewer/less and less + Danh từ**  
**More and more businesses** are eco-friendly. (Ngày càng có nhiều doanh nghiệp thân thiện với môi trường.)  
Chúng ta có thể sử dụng so sánh hơn với **the ... the** để diễn tả hai sự vật thay đổi cùng nhau hoặc khi một vật thay đổi thì vật kia cũng thay đổi theo.  
**• The Tính từ/Trạng từ dạng so sánh hơn** + S + V  
**The better** our publicity is, **the easier** it is to get support. (When our publicity is better, it's easier to get support.)  
(Chúng tôi càng quảng cáo rầm rộ thì càng dễ dàng nhận được sự hỗ trợ. (Khi chúng tôi quảng cáo rầm rộ hơn, sẽ dễ dàng nhận được sự hỗ trợ hơn.))  
• **The more/fewer/less** (+ N) + S + V (+ N)  
**The less** CO2 cars emit, **the less** air pollution there will be. (If cars emit less CO2 there will be less air pollution.)  
(Ô tô thải ra càng ít khí CO2 thì ô nhiễm không khí càng ít. (Nếu ô tô thải ra ít CO2 hơn thì ô nhiễm không khí sẽ ít hơn.))  
**The more** companies pollute the air, **the less** healthy we’ll be. (If companies continue polluting, people will be less healthy.)  
(Càng nhiều công ty gây ô nhiễm không khí thì sức khỏe của chúng ta càng kém. (Nếu các công ty tiếp tục gây ô nhiễm, mọi người sẽ kém khỏe mạnh hơn.))  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-56  
**c. Choose the correct answers.** (Chọn những đáp án đúng.)  
1. \_\_\_\_\_\_\_ environmentally conscious people there are, \_\_\_\_\_\_\_ pollution there will be.  
A. The more - the less  
B. More – less  
C. More and more - less and less  
2. Businesses that are eco-friendly are getting \_\_\_\_\_\_\_ support.  
A. fewer and fewer  
B. the less  
C. more and more  
3. \_\_\_\_\_\_\_ publicity businesses get, \_\_\_\_\_\_\_ money they will make.  
A. The less - the fewer  
B. The more - the more  
C. The fewer - the more  
4. \_\_\_\_\_\_\_ the government punishes littering, \_\_\_\_\_\_\_ litter there will be.  
A. The more - the less  
B. More - less  
C. The less - less and less  
5. \_\_\_\_\_\_\_ a business is, \_\_\_\_\_\_\_ it usually is.  
A. Bigger - less eco-friendly  
B. The bigger - the fewer eco-friendly  
C. The bigger - the less eco-friendly  
6. People are using \_\_\_\_\_\_\_ gas-powered cars.  
A. fewer and fewer  
B. less and less  
C. the fewer  
7. Living an eco-friendly lifestyle is becoming \_\_\_\_\_\_\_.  
A. more and less easy  
B. the easier  
C. easier and easier  
8. \_\_\_\_\_\_\_ environmental campaigns charities organize, \_\_\_\_\_\_\_ people will be convinced to protect the environment.  
A. Fewer - the better  
B. The more - the more  
C. The less - the more   
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. C  
  
  
3. B  
  
  
4. A  
  
  
5. C  
  
  
6. A  
  
  
7. C  
  
  
8. B  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Càng có nhiều người có ý thức bảo vệ môi trường thì càng ít ô nhiễm.  
2. Các doanh nghiệp thân thiện với môi trường ngày càng nhận được nhiều sự hỗ trợ hơn.  
3. Các doanh nghiệp càng nhận được chú ý thì càng kiếm được nhiều tiền.  
4. Chính phủ càng xử phạt việc xả rác thì sẽ càng có ít rác.  
5. Doanh nghiệp càng lớn thì thường càng ít thân thiện với môi trường.  
6. Người ta ngày càng ít sử dụng ô tô chạy bằng xăng hơn.  
7. Sống theo lối sống thân thiện với môi trường ngày càng trở nên dễ dàng hơn.  
8. Các tổ chức từ thiện càng tổ chức nhiều chiến dịch môi trường thì càng có nhiều người bị thuyết phục để bảo vệ môi trường.  
**d. Complete each of the sentences below so that it means the same as the one above it using double comparatives.** (Hoàn thành mỗi câu dưới đây sao cho có nghĩa giống với câu trên bằng cách sử dụng so sánh kép.)  
1. If businesses get more incentives to be eco-friendly, they will become more eco-friendly.   
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ businesses get, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ they will become.  
2. It's becoming cheaper to produce renewable energy year after year.  
Producing renewable energy is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
3. If more people drive electric cars, air pollution will be reduced.   
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ drive electric cars, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ there will be.  
4. If charities do more work, they'll get better publicity.   
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ charities do, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ they'll get.  
5. More money is spent on medical care because of pollution every year.  
People have to spend \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ because of pollution every year.   
**Đáp án:**  
1. The more incentives businesses get, the more eco-friendly they will become.  
2. Producing renewable energy is becoming cheaper and cheaper year after year.  
3. The more people drive electric cars, the less air pollution there will be.  
4. The more work charities do, the better publicity they'll get.  
5. People have to spend more and more money on medical care because of pollution every year.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nếu các doanh nghiệp nhận được nhiều ưu đãi hơn để thân thiện với môi trường, họ sẽ trở nên thân thiện với môi trường hơn.  
Các doanh nghiệp càng nhận được nhiều ưu đãi thì họ sẽ càng trở nên thân thiện với môi trường hơn.  
2. Việc sản xuất năng lượng tái tạo ngày càng rẻ hơn qua từng năm.  
Sản xuất năng lượng tái tạo ngày càng trở nên rẻ hơn qua từng năm.  
3. Nếu nhiều người lái ô tô điện hơn, ô nhiễm không khí sẽ giảm.  
Càng nhiều người lái ô tô điện thì càng ít ô nhiễm không khí.  
4. Nếu các tổ chức từ thiện làm nhiều việc hơn, họ sẽ nhận được nhiều sự chú ý hơn.  
Các tổ chức từ thiện càng làm nhiều việc hơn thì họ càng nhận được nhiều sự chú ý hơn.  
5. Mọi người chi nhiều tiền hơn cho việc chăm sóc y tế vì ô nhiễm hàng năm.  
Mọi người phải chi ngày càng nhiều tiền hơn cho việc chăm sóc y tế vì ô nhiễm hàng năm.  
**e. In pairs: Discuss the potential future effects of the things below and your own ideas, using double comparatives.** (Theo cặp: Thảo luận về tác động tiềm ẩn trong tương lai của những điều dưới đây và ý tưởng của riêng bạn, sử dụng so sánh kép.)  
• having more volunteers (có nhiều tình nguyện viên hơn)  
• recycling less (tái chế ít hơn)  
• wasting less food (ít lãng phí thức ăn hơn)  
• using gas-powered cars less (sử dụng ít ô tô chạy bằng xăng hơn)  
• offering more incentives for using renewable energy (đưa ra nhiều ưu đãi hơn cho việc sử dụng năng lượng tái tạo)  
• being more environmentally conscious (có ý thức hơn về môi trường)  
The more volunteers charities have, the more they can help. (Các tổ chức từ thiện càng có nhiều tình nguyện thì họ càng có thể giúp đỡ nhiều hơn.)  
**Gợi ý:**  
- The less recycling we do, the more damage we do to the environment.  
- The less food we waste, the less food we need to produce.  
- The less we rely on gas-powered cars, the cleaner our air will become.  
- The more incentives we offer for using renewable energy, the faster we'll transition to a cleaner and more sustainable energy system.  
- The more environmentally conscious people are, the better the world will be.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Chúng ta càng ít tái chế thì càng gây ra nhiều thiệt hại cho môi trường.  
- Chúng ta càng lãng phí ít thực phẩm thì chúng ta càng ít phải sản xuất thực phẩm hơn.  
- Chúng ta càng ít phụ thuộc vào ô tô chạy bằng xăng thì không khí của chúng ta sẽ càng sạch hơn.  
- Chúng ta càng đưa ra nhiều ưu đãi cho việc sử dụng năng lượng tái tạo thì chúng ta sẽ càng chuyển đổi sang hệ thống năng lượng sạch và bền vững hơn nhanh hơn.  
- Con người càng có ý thức bảo vệ môi trường thì thế giới sẽ càng tốt đẹp hơn.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 104 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. When we want to make words in a sentence important, we often put more stress on them.** (Khi muốn làm cho các từ trong câu trở nên quan trọng, chúng ta thường nhấn mạnh vào chúng hơn.)  
The you study, the you worry about results. (Bạn càng học nhiều, bạn càng ít lo lắng về kết quả.)  
**b. Listen. Notice the stress on the underlined words.** (Nghe. Chú ý trọng âm nhấn vào các từ được gạch chân.)  
The we protest, the things will change.  
The CO2 they emit, the air pollution there will be.  
CD2-57  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chúng ta càng phản kháng thì mọi thứ sẽ càng thay đổi nhiều hơn.  
Họ thải ra càng ít khí CO2 thì càng ít ô nhiễm không khí.  
**c. Listen and cross out the sentence that doesn't follow the note in Task a.** (Nghe và gạch bỏ câu không tuân theo ghi chú ở Bài tập a.)  
The less work you do, the less money you make.  
The more exercise you do, the less unhealthy you'll be.  
CD2-58  
**Đáp án:**  
The less work you do, the less money you make.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Bạn càng làm ít việc, bạn càng kiếm được ít tiền.  
Bạn càng tập thể dục nhiều, bạn sẽ càng ít bị bệnh.  
**d. Practice reading the sentences with the sentence stress noted in Task a to a partner.** (Luyện đọc các câu với trọng âm được ghi chú trong Bài tập a cho bạn cùng lớp.)  
  
**Practice (phần a->b trang 105 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns asking and answering about the problems below. Ask about the actions and give a response to explain the potential future effect.** (Nghe, sau đó lần lượt hỏi và trả lời về các vấn đề dưới đây. Hỏi về các hành động và đưa ra câu trả lời để giải thích tác động tiềm ẩn trong tương lai.)  
CD2-59  
- What would happen if people were more environmentally conscious? (Điều gì sẽ xảy ra nếu con người có ý thức bảo vệ môi trường hơn?)  
- They would have smaller carbon footprints. (Họ sẽ thải ra lượng khí thải carbon nhỏ hơn.)  
- Could you explain that? (Bạn có thể giải thích điều đó không?)  
- Sure. The more environmentally conscious they are, the less energy they will use. (Được chứ. Họ càng có ý thức về môi trường thì họ sẽ càng sử dụng ít năng lượng hơn.)  
  
**Gợi ý:**  
A: What would happen if charities appeared in more TV shows?  
B: They would get more donations.  
A: Could you explain that?  
B: Of course. The more publicity charities get from TV shows, the more people will donate.  
\*\*\*  
A: What would happen if the government lowered taxes on gas-powered cars?  
B: They would emit more CO2.  
A: Could you explain that?  
B: Well, if there are fewer government taxes on eco-friendly products, less people will be incentivized to drive electric cars, leading to more CO2 emissions.  
\*\*\*  
A: What would happen if eco-friendly products had tax incentives?  
B: They would reduce pollution.  
A: Could you explain that?  
B: Absolutely. The more incentives the government offers for eco-friendly products, the more people and businesses will be encouraged to be environmentally friendly, ultimately leading to a reduction in pollution.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Điều gì sẽ xảy ra nếu các tổ chức từ thiện xuất hiện nhiều hơn trên các chương trình truyền hình?  
B: Họ sẽ nhận được nhiều tiền quyên góp hơn.  
A: Bạn có thể giải thích điều đó được không?  
B: Tất nhiên rồi. Các tổ chức từ thiện càng nhận được nhiều sự chú ý từ các chương trình truyền hình thì càng có nhiều người quyên góp.  
\*\*\*  
A: Điều gì sẽ xảy ra nếu chính phủ giảm thuế ô tô chạy bằng xăng?  
B: Chúng sẽ thải ra nhiều khí CO2 hơn.  
A: Bạn có thể giải thích điều đó được không?  
B: Chà, nếu chính phủ giảm thuế đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường, thì sẽ có ít người được khuyến khích lái ô tô điện hơn, dẫn đến lượng khí thải CO2 nhiều hơn.  
\*\*\*  
A: Điều gì sẽ xảy ra nếu sản phẩm thân thiện với môi trường được ưu đãi thuế?  
B: Chúng sẽ làm giảm ô nhiễm.  
A: Bạn có thể giải thích điều đó được không?  
B: Chắc chắn rồi. Chính phủ càng đưa ra nhiều ưu đãi cho các sản phẩm thân thiện với môi trường thì càng có nhiều người dân và doanh nghiệp được khuyến khích thân thiện với môi trường, cuối cùng dẫn đến giảm ô nhiễm.  
**b. Practice with your own ideas.** (Thực hành với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: What would happen if more households started composting their organic waste?  
B: They would reduce their carbon footprint.  
A: Could you explain that?  
B: Certainly. The more households compost their organic waste, the less organic matter ends up in landfills, where it would decompose and release methane, a potent greenhouse gas.  
\*\*\*  
A: What would happen if schools implemented more environmental education programs?  
B: Students would become more environmentally conscious.  
A: Could you explain that?  
B: Absolutely. The more environmental education programs schools implement, the more students will learn about sustainability practices and the importance of protecting the environment, leading to a generation that is more aware and proactive about environmental issues.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Điều gì sẽ xảy ra nếu nhiều hộ gia đình bắt đầu ủ phân rác hữu cơ hơn?  
B: Họ sẽ giảm lượng khí thải carbon.  
A: Bạn có thể giải thích điều đó được không?  
B: Chắc chắn rồi. Càng nhiều hộ gia đình ủ phân rác hữu cơ thì càng ít chất hữu cơ được thải ra các bãi chôn lấp, nơi nó sẽ phân hủy và giải phóng khí mê-tan, một loại khí nhà kính mạnh.  
\*\*\*  
A: Điều gì sẽ xảy ra nếu trường học thực hiện nhiều chương trình giáo dục về môi trường hơn?  
B: Học sinh sẽ trở nên có ý thức hơn về môi trường.  
A: Bạn có thể giải thích điều đó được không?  
B: Chắc chắn rồi. Trường học càng thực hiện nhiều chương trình giáo dục về môi trường, học sinh sẽ càng tìm hiểu nhiều hơn về các hoạt động bền vững và tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, dẫn đến một thế hệ nhận thức và chủ động hơn về các vấn đề môi trường.  
  
**Speaking (phần a->b trang 105 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You're planning a presentation about protecting the environment. In pairs: Look at the actions organizations can do. Explain what effect doing more or less of each action would have. Circle the action you think would be the most effective in each column.** (Bạn đang chuẩn bị thuyết trình về việc bảo vệ môi trường. Theo cặp: Hãy xem những hành động mà các tổ chức có thể thực hiện. Giải thích tác dụng của việc thực hiện nhiều hay ít mỗi hành động. Hãy khoanh tròn hành động mà bạn cho là có hiệu quả nhất ở mỗi cột.)  
- What would happen if charities raised awareness of environmental issues? (Điều gì sẽ xảy ra nếu các tổ chức từ thiện nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường?)  
- People would think about the environment more. The more awareness people have, the more environmentally conscious they'll be. (Mọi người sẽ nghĩ về môi trường nhiều hơn. Con người càng có nhiều nhận thức thì họ sẽ càng có ý thức về môi trường hơn.)  
  
  
  
  
**charities**  
  
  
**businesses**  
  
  
**the government**  
  
  
  
  
• raise awareness of environmental issues  
• convince people to volunteer  
• protest at fossil fuel events  
  
  
• use gas-powered vehicles less  
• donate more profits to environmental charities  
• use more eco-friendly packaging  
  
  
• tax gas-powered vehicles more  
• offer more incentives to eco-friendly businesses  
• punish people for littering more  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
- What would happen if charities convinced people to volunteer?  
If charities convinced more people to volunteer, there would be a greater impact on environmental initiatives. The more people volunteer, the more hands-on support environmental organizations will have, leading to more effective conservation efforts and positive changes in the environment.  
- What would happen if charities protested at fossil fuel events?  
If charities protested more at fossil fuel events, there would be heightened awareness about environmental issues. The more charities protest at such events, the more attention they would garner, leading to increased public awareness and potentially stronger advocacy for renewable energy and sustainable alternatives.  
- What would happen if businesses used gas-powered vehicles less?  
If businesses used gas-powered vehicles less, there would be a significant reduction in carbon emissions. The less gas-powered vehicles businesses use, the lower their carbon footprint will be, resulting in cleaner air and a healthier environment for all.  
- What would happen if businesses donated more profits to environmental charities?  
If businesses donated more profits to environmental charities, there would be a substantial impact on conservation efforts. The more profits businesses donate to environmental charities, the greater the financial support these organizations will receive, leading to more extensive environmental projects and initiatives, ultimately resulting in a healthier planet.  
- What would happen if businesses used more eco-friendly packaging?  
If businesses used more eco-friendly packaging, there would be a significant reduction in plastic waste. The more businesses use eco-friendly packaging, the less plastic waste they will generate, leading to a cleaner environment and less harm to wildlife.  
- What would happen if the government taxed gas-powered vehicles more?  
If the government taxed gas-powered vehicles more, there would be a decrease in carbon emissions. The more the government taxes gas-powered vehicles, the fewer people will choose to drive them, leading to reduced air pollution and a cleaner environment overall.  
- What would happen if the government offered more incentives to eco-friendly businesses?  
If the government offered more incentives to eco-friendly businesses, there would be a greater adoption of sustainable practices. The more incentives the government offers to eco-friendly businesses, the more likely they are to implement environmentally conscious measures, resulting in reduced environmental impact and a more sustainable economy.  
- What would happen if the government punished people for littering more?  
If the government punished people for littering more, there would be a decrease in environmental pollution. The more the government punishes people for littering, the fewer individuals will engage in this harmful behavior, leading to cleaner streets, parks, and ecosystems overall.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu các tổ chức từ thiện thuyết phục mọi người tham gia tình nguyện?  
Nếu các tổ chức từ thiện thuyết phục được nhiều người tham gia tình nguyện hơn thì các sáng kiến về môi trường sẽ có tác động lớn hơn. Càng có nhiều người tình nguyện thì càng có nhiều tổ chức môi trường hỗ trợ thực tế, dẫn đến những nỗ lực bảo tồn hiệu quả hơn và những thay đổi tích cực trong môi trường.  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu các tổ chức từ thiện biểu tình ở các sự kiện về nhiên liệu hóa thạch?  
Nếu các tổ chức từ thiện biểu tình ở các sự kiện về nhiên liệu hóa thạch nhiều hơn, nhận thức về các vấn đề môi trường sẽ được nâng cao. Càng có nhiều tổ chức từ thiện biểu tình ở các sự kiện như vậy thì họ càng thu hút được nhiều sự chú ý, dẫn đến nhận thức cộng đồng được nâng cao và có khả năng vận động mạnh mẽ hơn cho năng lượng tái tạo và các giải pháp thay thế bền vững.  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu các doanh nghiệp ít sử dụng phương tiện chạy bằng xăng hơn?  
Nếu các doanh nghiệp sử dụng phương tiện chạy bằng xăng ít hơn thì lượng khí thải carbon sẽ giảm đáng kể. Các doanh nghiệp sử dụng càng ít phương tiện chạy bằng khí đốt thì lượng khí thải carbon của họ sẽ càng thấp, khiến cho không khí sạch hơn và môi trường trong lành hơn cho tất cả mọi người.  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu các doanh nghiệp quyên góp nhiều lợi nhuận hơn cho các tổ chức từ thiện môi trường?  
Nếu các doanh nghiệp quyên góp nhiều lợi nhuận hơn cho các tổ chức từ thiện môi trường, sẽ có tác động đáng kể đến các nỗ lực bảo tồn. Các doanh nghiệp quyên góp càng nhiều lợi nhuận cho các tổ chức từ thiện môi trường thì các tổ chức này sẽ nhận được hỗ trợ tài chính càng lớn, dẫn đến các dự án và sáng kiến môi trường sâu rộng hơn, cuối cùng mang lại một hành tinh khỏe mạnh hơn.  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu các doanh nghiệp sử dụng bao bì thân thiện với môi trường hơn?  
Nếu các doanh nghiệp sử dụng bao bì thân thiện với môi trường hơn thì lượng rác thải nhựa sẽ giảm đáng kể. Càng nhiều doanh nghiệp sử dụng bao bì thân thiện với môi trường thì họ càng tạo ra ít rác thải nhựa, dẫn đến môi trường sạch hơn và ít gây hại cho động vật hoang dã hơn.  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu chính phủ đánh thuế xe chạy bằng xăng nhiều hơn?  
Nếu chính phủ đánh thuế xe chạy bằng xăng nhiều hơn thì lượng khí thải carbon sẽ giảm. Chính phủ càng đánh thuế xe chạy bằng xăng thì càng ít người chọn lái chúng, dẫn đến giảm ô nhiễm không khí và môi trường nói chung sạch hơn.  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu chính phủ đưa ra nhiều ưu đãi hơn cho các doanh nghiệp thân thiện với môi trường?  
Nếu chính phủ đưa ra nhiều ưu đãi hơn cho các doanh nghiệp thân thiện với môi trường thì các hoạt động bền vững sẽ được áp dụng nhiều hơn. Chính phủ càng đưa ra nhiều ưu đãi cho các doanh nghiệp thân thiện với môi trường thì họ càng có nhiều khả năng thực hiện các biện pháp có ý thức về môi trường, giúp giảm tác động đến môi trường và tạo ra nền kinh tế bền vững hơn.  
- Điều gì sẽ xảy ra nếu chính phủ xử phạt người dân xả rác nhiều hơn?  
Nếu chính phủ xử phạt người dân xả rác nhiều hơn thì ô nhiễm môi trường sẽ giảm. Chính phủ càng xử phạt người dân xả rác thì càng ít người làm ra hành vi có hại này, dẫn đến đường phố, công viên và hệ sinh thái nói chung sạch hơn.  
**b. Join another pair. Take turns presenting the three actions you chose. Did you choose the same ones?** (Tham gia một cặp khác. Lần lượt trình bày ba hành động bạn đã chọn. Bạn có chọn hành động tương tự không?)  
We think that using gas-powered vehicles less would be the most effective. (Chúng tôi cho rằng việc sử dụng ít phương tiện chạy bằng xăng hơn là hiệu quả nhất.)  
**Gợi ý:**  
We think that offering more incentives to eco-friendly businesses would be most effective.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chúng tôi cho rằng việc đưa ra nhiều ưu đãi hơn cho các doanh nghiệp thân thiện với môi trường là hiệu quả nhất.  
**Unit 9 Lesson 3 (trang 106, 107, 108)**  
**Let's Talk! (trang 106 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What do you think makes these resorts eco-friendly? What else can resorts or hotels do to be eco-friendly? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Bạn nghĩ điều gì khiến những khu nghỉ dưỡng này thân thiện với môi trường? Các khu nghỉ dưỡng hoặc khách sạn có thể làm gì khác để thân thiện với môi trường?)  
  
**Gợi ý:**  
Some factors that make them eco-friendly include energy efficiency, local sourcing, conservation efforts, water conservation, sustainable building design.  
To further enhance their eco-friendly practices, resorts or hotels can consider the following: waste reduction, community engagement, education and awareness and eco-friendly transportation.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Một số yếu tố làm cho chúng thân thiện với môi trường bao gồm hiệu quả năng lượng, nguồn cung ứng địa phương, nỗ lực bảo tồn, bảo tồn nước, thiết kế tòa nhà bền vững.  
Để nâng cao hơn nữa các hoạt động thân thiện với môi trường, các khu nghỉ dưỡng hoặc khách sạn có thể xem xét những điều sau: giảm rác thải, sự tham gia của cộng đồng, giáo dục và nhận thức và giao thông thân thiện với môi trường.  
  
**Listening (phần a->c trang 106 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen to two people talking about a trip. Where was the eco-resort?** (Nghe hai người nói về một chuyến đi. Khu nghỉ dưỡng sinh thái ở đâu?)  
1. in the mountains (trên núi)  
2. on the coast (trên bờ biển)  
3. in a forest (trong rừng)  
CD2-60  
**Đáp án:**  
2. on the coast (trên bờ biển)  
**Nội dung bài nghe:**  
Logan: Hey, Mia, how are you?  
Mia: Hey, Logan. I'm great. I just got back from an awesome trip.  
Logan: Nice. Where did you go?  
Mia: I went to Thailand and stayed in an eco resort.  
Logan: That sounds lovely. What was the resort like?  
Mia: It was perfect. The buildings were built from sustainable materials like bamboo and other local materials.  
Logan: Wow.  
Mia: Yeah and I had such an amazing view of the ocean from my room. I stayed in a small building that was over the water. I could open my door and jump right into the sea.  
Logan: Cool. So what about the resort makes it an eco resort?  
Mia: They do lots of different things to help the environment. They let the local animals live freely around the resort. They also have almost no emissions.  
Logan: How do they do that?  
Mia: They don't use any gas powered vehicles, all the activities they offer like kayaking and snorkeling are eco friendly too.  
Logan: Well.  
Mia: They do a lot for the local people too. They buy all of their food from local farms and only hire people who live close to the resort. They all live within 15 kilometers.  
Logan: That's great. Do they still have all the things a normal hotel has like electricity and air conditioners?  
Mia: They have electricity, but the rooms don't have air conditioners or fans. They get all of their electricity from solar panels around the resort. They asked us to only use the electricity when we really needed it. They also use the most efficient light bulbs and other electrical devices.  
Logan: That sounds amazing. They really do a lot for the environment.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Logan: Chào, Mia, bạn khỏe không?  
Mia: Chào, Logan. Tôi khỏe. Tôi vừa trở về từ một chuyến đi tuyệt vời.  
Logan: Tuyệt. Bạn đã đi đâu thế?  
Mia: Tôi đã đến Thái Lan và ở trong một khu nghỉ dưỡng sinh thái.  
Logan: Nghe có vẻ tuyệt đấy. Khu nghỉ dưỡng như thế nào?  
Mia: Nó hoàn hảo. Các tòa nhà được xây dựng từ vật liệu bền vững như tre và các vật liệu địa phương khác.  
Logan: Ồ.  
Mia: Và phòng tôi có tầm nhìn tuyệt vời ra đại dương. Tôi ở trong một tòa nhà nhỏ nằm trên mặt nước. Tôi có thể mở cửa và nhảy ngay xuống biển.  
Logan: Tuyệt. Vậy khu nghỉ dưỡng trở thành khu nghỉ dưỡng sinh thái như thế sao?  
Mia: Họ làm rất nhiều việc khác nhau để giúp ích cho môi trường. Họ để các loài động vật địa phương sống tự do xung quanh khu nghỉ dưỡng. Họ cũng gần như không có khí thải.  
Logan: Họ làm điều đó như thế nào?  
Mia: Họ không sử dụng bất kỳ phương tiện chạy bằng xăng nào, tất cả các hoạt động họ cung cấp như chèo thuyền kayak và lặn với ống thở cũng thân thiện với môi trường.  
Logan: Ồ.  
Mia: Họ cũng làm rất nhiều việc cho người dân địa phương. Họ mua tất cả thực phẩm từ các trang trại địa phương và chỉ thuê những người sống gần khu nghỉ dưỡng. Tất cả họ đều sống trong phạm vi 15 km.  
Logan: Điều đó thật tuyệt. Họ vẫn có tất cả những thứ mà một khách sạn bình thường có như điện và máy điều hòa không?  
Mia: Họ có điện, nhưng các phòng không có điều hòa hay quạt. Họ lấy toàn bộ điện từ các tấm pin mặt trời xung quanh khu nghỉ dưỡng. Họ yêu cầu chúng tôi chỉ sử dụng điện khi thực sự cần thiết. Họ cũng sử dụng bóng đèn và các thiết bị điện khác tiết kiệm điện nhất.  
Logan: Nghe thật tuyệt vời. Họ thực sự giúp ích rất nhiều cho môi trường.  
**b. Now, listen and answer the questions.** (Bây giờ hãy nghe và trả lời các câu hỏi.)  
1. What country did Mia visit?  
2. What were the buildings made from?  
3. What eco-friendly activities did they mention?  
4. Who worked at the resort?  
5. What didn't the rooms at the resort have?  
CD2-60  
**Đáp án:**  
1. Thailand  
2. sustainable materials like bamboo and other local materials  
3. kayaking and snorkeling  
4. people who live close to the resort, within 15 kilometers  
5. air conditioners or fans  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Mia: I went to Thailand and stayed in an eco resort. (Tôi đã đến Thái Lan và ở trong một khu nghỉ dưỡng sinh thái.)  
2. Thông tin:  
Mia: I went to Thailand and stayed in an eco resort. (Tôi đã đến Thái Lan và ở trong một khu nghỉ dưỡng sinh thái.)  
Logan: That sounds lovely. What was the resort like? (Nghe có vẻ tuyệt đấy. Khu nghỉ dưỡng như thế nào?)  
Mia: It was perfect. The buildings were built from sustainable materials like bamboo and other local materials. (Nó hoàn hảo. Các tòa nhà được xây dựng từ vật liệu bền vững như tre và các vật liệu địa phương khác.)  
3. Thông tin: Mia: They don't use any gas powered vehicles, all the activities they offer like kayaking and snorkeling are eco friendly too. (Họ không sử dụng bất kỳ phương tiện chạy bằng xăng nào, tất cả các hoạt động họ cung cấp như chèo thuyền kayak và lặn với ống thở cũng thân thiện với môi trường.)  
4. Thông tin: Mia: They do a lot for the local people too. They buy all of their food from local farms and only hire people who live close to the resort. They all live within 15 kilometers. (Họ cũng làm rất nhiều việc cho người dân địa phương. Họ mua tất cả thực phẩm từ các trang trại địa phương và chỉ thuê những người sống gần khu nghỉ dưỡng. Tất cả họ đều sống trong phạm vi 15 km)  
5. Thông tin: Mia: They have electricity, but the rooms don't have air conditioners or fans. They get all of their electricity from solar panels around the resort. They asked us to only use the electricity when we really needed it. They also use the most efficient light bulbs and other electrical devices. (Họ có điện, nhưng các phòng không có điều hòa hay quạt. Họ lấy toàn bộ điện từ các tấm pin mặt trời xung quanh khu nghỉ dưỡng. Họ yêu cầu chúng tôi chỉ sử dụng điện khi thực sự cần thiết. Họ cũng sử dụng bóng đèn và các thiết bị điện khác tiết kiệm điện nhất.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Mia đã đến thăm đất nước nào? - Thái Lan  
2. Những tòa nhà được làm từ gì? - vật liệu bền vững như tre và các vật liệu địa phương khác  
3. Họ đã đề cập đến những hoạt động thân thiện với môi trường nào? - chèo thuyền kayak và lặn với ống thở  
4. Ai làm việc tại khu nghỉ dưỡng? - những người sống gần khu nghỉ dưỡng, trong phạm vi 15 km  
5. Phòng ở resort không có gì? - máy điều hòa hoặc quạt  
**c. In pairs: Would you like to stay at the resort? What do you like and dislike about the resort? Why?** (Theo cặp: Bạn có muốn ở tại khu nghỉ dưỡng không? Bạn thích và không thích điều gì ở khu nghỉ dưỡng? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
I like to stay at the resort. First, eco-friendly resorts prioritize sustainability and environmental conservation, which can appeal to travelers who are passionate about reducing their carbon footprint and supporting responsible tourism practices. Second, many eco-friendly resorts are located in pristine natural environments, such as rainforests, mountains, or coastal areas, offering guests the opportunity to reconnect with nature and enjoy scenic landscapes. Next, eco-friendly resorts often offer eco-conscious amenities such as organic toiletries, locally sourced organic food, and renewable energy-powered facilities, providing guests with a unique and environmentally friendly experience. Last, some eco-friendly resorts offer opportunities for guests to participate in conservation activities such as wildlife monitoring, tree planting, or beach clean-ups, allowing them to contribute to environmental preservation efforts during their stay.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi thích ở tại khu nghỉ dưỡng. Đầu tiên, các khu nghỉ dưỡng sinh thái ưu tiên tính bền vững và bảo tồn môi trường, điều này có thể thu hút những du khách thích việc giảm lượng khí thải carbon và ủng hộ các hoạt động du lịch có trách nhiệm. Thứ hai, nhiều khu nghỉ dưỡng sinh thái nằm trong môi trường tự nhiên nguyên sơ như rừng nhiệt đới, núi non hoặc vùng ven biển, mang đến cho du khách cơ hội kết nối lại với thiên nhiên và tận hưởng cảnh quan tuyệt đẹp. Tiếp theo, các khu nghỉ dưỡng sinh thái thường cung cấp các tiện nghi thân thiện với môi trường như đồ vệ sinh cá nhân hữu cơ, thực phẩm hữu cơ có nguồn gốc địa phương và các cơ sở vật chất sử dụng năng lượng tái tạo, mang đến cho du khách trải nghiệm độc đáo và thân thiện với môi trường. Cuối cùng, một số khu nghỉ dưỡng sinh thái tạo cơ hội cho du khách tham gia vào các hoạt động bảo tồn như giám sát động vật hoang dã, trồng cây hoặc dọn dẹp bãi biển, cho phép họ đóng góp vào nỗ lực bảo tồn môi trường trong thời gian lưu trú.  
  
**Reading (phần a->e trang 106-107 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the blog post recommending Cloud Ecolodge. Has the writer reviewed resorts on their blog before?** (Đọc bài đăng trên blog giới thiệu Cloud Ecolodge. Người viết đã từng review các khu nghỉ dưỡng trên blog của họ chưa?)  
1. Yes (rồi)  
2. No (chưa)   
3. Not given enough information (Không cung cấp đủ thông tin)  
Hi, everyone. I'm back home after another wonderful trip, and I want to tell you about this eco-resort that I stayed at.  
I visited a town in the north of Vietnam called Sa Pa and stayed at Cloud Ecolodge. I had a room on top of a hill that had **breathtaking** views of the mountains and valleys. I chose this resort because it really does a great job of supporting the three main **element**s of ecotourism: protecting the environment, promoting local culture and traditions, and helping to create jobs and supporting the local economy.  
First of all, Cloud Ecolodge is really eco-friendly, and it is fully **carbon neutral**. They keep electricity use to a **minimum** and there are no televisions or Wi-Fi in the rooms. Also, though there are great swimming pools and a spa where you can relax, all are powered by solar energy.  
Next, they offer some excellent eco-friendly activities. offer tours around the local village markets, and hiking and cycling tours around the area where you can learn about the local culture and see some beautiful, traditional homes.  
Finally, the resort hires employees entirely from the local area. The people they hire often don't have much education, but they're given **hospitality** and language training to improve their skills. The resort also has a really eco-friendly restaurant. They get most of their food from local markets and farms, so it’s really fresh, and all the food waste is sent to local farms to use as animal feed.  
Overall, I loved my time there, and I think it’s the best resort I've reviewed so far. Let me know about which eco-resorts you've stayed at in the comments below. Maybe I could review those next.  
Until next time.  
**Đáp án:**  
1. Yes (rồi)  
**Giải thích:**  
Thông tin:  
- Hi, everyone. I'm back home after another wonderful trip, and I want to tell you about this eco-resort that I stayed at. (Chào mọi người. Tôi trở về nhà sau một chuyến đi tuyệt vời nữa và tôi muốn kể cho bạn nghe về khu nghỉ dưỡng sinh thái mà tôi đã ở.)  
- Overall, I loved my time there, and I think it’s the best resort I've reviewed so far. Let me know about which eco-resorts you've stayed at in the comments below. Maybe I could review those next. (Nhìn chung, tôi yêu thích khoảng thời gian ở đó và tôi nghĩ đây là khu nghỉ dưỡng tốt nhất mà tôi đã review cho đến nay. Hãy cho tôi biết bạn đã ở khu nghỉ dưỡng sinh thái nào ở phần bình luận bên dưới nhé. Có thể tôi sẽ review những địa điểm đó vào lần tới.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chào mọi người. Tôi trở về nhà sau một chuyến đi tuyệt vời nữa và tôi muốn kể cho bạn nghe về khu nghỉ dưỡng sinh thái mà tôi đã ở.  
Tôi đã đến thăm một thị trấn ở phía bắc Việt Nam tên là Sa Pa và ở tại Cloud Ecolodge. Tôi ở một căn phòng trên đỉnh đồi có tầm nhìn đẹp ngoạn mục ra những ngọn núi và thung lũng. Tôi chọn khu nghỉ dưỡng này vì nó thực sự làm rất tốt việc hỗ trợ ba yếu tố chính của du lịch sinh thái: bảo vệ môi trường, quảng bá văn hóa và truyền thống địa phương, đồng thời giúp tạo việc làm và hỗ trợ nền kinh tế địa phương.  
Đầu tiên, Cloud Ecolodge thực sự thân thiện với môi trường và hoàn toàn trung hòa carbon. Họ hạn chế sử dụng điện ở mức tối thiểu và không có tivi hay Wi-Fi trong phòng. Ngoài ra, mặc dù có nhiều hồ bơi tuyệt vời và spa nơi bạn có thể thư giãn nhưng tất cả đều hoạt động dựa vào năng lượng mặt trời.  
Tiếp theo, họ cung cấp một số hoạt động thân thiện với môi trường tuyệt vời. Họ cung cấp các tour du lịch quanh các chợ làng địa phương cũng như các tour đi bộ đường dài và đi xe đạp quanh khu vực nơi bạn có thể tìm hiểu về văn hóa địa phương và ngắm nhìn một số ngôi nhà truyền thống xinh đẹp.  
Cuối cùng, khu nghỉ dưỡng thuê nhân viên hoàn toàn từ địa phương. Những người họ thuê thường không có trình độ học vấn cao nhưng họ được đào tạo về dịch vụ khách hàng và ngôn ngữ để nâng cao kỹ năng của mình. Khu nghỉ dưỡng còn có một nhà hàng thực sự thân thiện với môi trường. Họ thu mua phần lớn thực phẩm từ các chợ và trang trại địa phương, vì vậy nó rất tươi và tất cả rác thải thực phẩm được đưa đến các nông trại địa phương để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi.  
Nhìn chung, tôi yêu thích khoảng thời gian ở đó và tôi nghĩ đây là khu nghỉ dưỡng tốt nhất mà tôi đã review cho đến nay. Hãy cho tôi biết bạn đã ở khu nghỉ dưỡng sinh thái nào ở phần bình luận bên dưới nhé. Có thể tôi sẽ review những địa điểm đó vào lần tới.  
Gặp lại các bạn sau nhé.  
**b. Match the bold words in the text with their definitions.** (Nối những từ in đậm trong văn bản với định nghĩa của chúng.)  
1. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: a necessary or typical part of something  
2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: food, drink, or services that are given to guests  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: the lowest possible amount  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: very exciting or impressive  
5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: CO2 emissions are zero or they are balanced by actions that improve the environment  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. element  
  
  
2. hospitality  
  
  
3. minimum  
  
  
4. breathtaking  
  
  
5. carbon neutral  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. yếu tố: một phần cần thiết hoặc điển hình của một cái gì đó  
2. dịch vụ khách hàng: đồ ăn, đồ uống hoặc dịch vụ phục vụ cho khách  
3. tối thiểu: số lượng thấp nhất có thể  
4. đẹp ngoạn mục: rất thú vị hoặc ấn tượng  
5. trung hòa carbon: lượng khí thải CO2 bằng 0 hoặc được cân bằng nhờ các hành động cải thiện môi trường  
**c. Now, read and answer the questions.** (Bây giờ hãy đọc và trả lời các câu hỏi.)  
1. What could the writer see from the room? \_\_\_\_\_\_\_  
2. The word in paragraph 4 refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. Cloud Ecolodge  
B. the guests  
C. the local people  
3. What can you see on a tour? \_\_\_\_\_\_\_  
4. According to the passage, all of the following are true EXCEPT \_\_\_\_\_\_\_.  
A. the resorts food waste is fed to animals  
B. they buy all of their food from local farms and markets  
C. all the staff are from near the resort  
5. Which of the following can be inferred from the passage?  
A. The resort is mostly carbon neutral.  
B. The resort does a lot to help the local environment and people.  
C. The resort only has bungalows for people to stay in.  
**Đáp án:**  
1. breathtaking views of the mountains and valleys  
2. A  
3. local village markets and beautiful, traditional homes  
4. B  
5. B  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: I had a room on top of a hill that had breathtaking views of the mountains and valleys. (Tôi ở một căn phòng trên đỉnh đồi có tầm nhìn đẹp ngoạn mục ra những ngọn núi và thung lũng.)  
2. Thông tin: Next, they offer some excellent eco-friendly activities. offer tours around the local village markets, and hiking and cycling tours around the area where you can learn about the local culture and see some beautiful, traditional homes. (Tiếp theo, họ cung cấp một số hoạt động thân thiện với môi trường tuyệt vời. cung cấp các tour du lịch quanh các chợ làng địa phương cũng như các tour đi bộ đường dài và đi xe đạp quanh khu vực nơi bạn có thể tìm hiểu về văn hóa địa phương và ngắm nhìn một số ngôi nhà truyền thống xinh đẹp.)  
3. Thông tin: They offer tours around the local village markets, and hiking and cycling tours around the area where you can learn about the local culture and see some beautiful, traditional homes. (Họ cung cấp các chuyến tham quan quanh các khu chợ làng địa phương cũng như các chuyến đi bộ đường dài và đi xe đạp quanh khu vực nơi bạn có thể tìm hiểu về văn hóa địa phương và ngắm nhìn một số ngôi nhà truyền thống xinh đẹp.)  
4. Thông tin:  
- They get most of their food from local markets and farms, so it’s really fresh, and all the food waste is sent to local farms to use as animal feed. (Họ thu mua phần lớn thực phẩm từ các chợ và trang trại địa phương, vì vậy nó rất tươi và tất cả rác thải thực phẩm được đưa đến các nông trại địa phương để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi.)  
- Finally, the resort hires employees entirely from the local area. (Cuối cùng, khu nghỉ dưỡng thuê nhân viên hoàn toàn từ địa phương.)  
5. Thông tin:  
- First of all, Cloud Ecolodge is really eco-friendly, and it is fully carbon neutral. (Đầu tiên, Cloud Ecolodge thực sự thân thiện với môi trường và hoàn toàn trung hòa carbon.)  
- Finally, the resort hires employees entirely from the local area. The people they hire often don't have much education, but they're given hospitality and language training to improve their skills. The resort also has a really eco-friendly restaurant. They get most of their food from local markets and farms, so it’s really fresh, and all the food waste is sent to local farms to use as animal feed. (Cuối cùng, khu nghỉ dưỡng thuê nhân viên hoàn toàn từ địa phương. Những người họ thuê thường không có trình độ học vấn cao nhưng họ được đào tạo về dịch vụ khách hàng và ngôn ngữ để nâng cao kỹ năng của mình. Khu nghỉ dưỡng còn có một nhà hàng thực sự thân thiện với môi trường. Họ thu mua phần lớn thực phẩm từ các chợ và trang trại địa phương, vì vậy nó rất tươi và tất cả rác thải thực phẩm được đưa đến các nông trại địa phương để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi.)  
- I visited a town in the north of Vietnam called Sa Pa and stayed at Cloud Ecolodge. I had a room on top of a hill that had breathtaking views of the mountains and valleys. (Tôi đã đến thăm một thị trấn ở phía bắc Việt Nam tên là Sa Pa và ở tại Cloud Ecolodge. Tôi ở một căn phòng trên đỉnh đồi có tầm nhìn đẹp ngoạn mục ra những ngọn núi và thung lũng.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Người viết có thể nhìn thấy gì từ căn phòng? - khung cảnh đẹp ngoạn mục của những ngọn núi và thung lũng  
2. Từ ở đoạn 4 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_.  
A. Cloud Ecolodge  
B. các vị khách  
C. người dân địa phương  
3. Bạn có thể thấy gì trong chuyến tham quan? - chợ làng địa phương và những ngôi nhà truyền thống đẹp  
4. Theo đoạn văn, tất cả những điều sau đây đều đúng NGOẠI TRỪ \_\_\_\_\_\_\_.  
A. rác thải thực phẩm của khu nghỉ dưỡng được dùng làm thức ăn cho động vật  
B. họ thu mua tất cả thực phẩm từ các trang trại và chợ địa phương  
C. tất cả nhân viên đều ở gần khu nghỉ dưỡng  
5. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài văn?  
A. Khu nghỉ dưỡng gần như trung hòa carbon.  
B. Khu nghỉ dưỡng giúp ích rất nhiều cho môi trường và con người địa phương.  
C. Khu nghỉ dưỡng chỉ có nhà gỗ một tầng để mọi người nghỉ lại.  
**d. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-61  
**e. In pairs: How eco-friendly do you think this resort is? Give it a number from 1 (not eco-friendly) to 5 (very eco-friendly) and say why.** (Theo cặp: Bạn nghĩ khu nghỉ dưỡng này thân thiện với môi trường đến mức nào? Hãy cho điểm từ 1 (không thân thiện với môi trường) đến 5 (rất thân thiện với môi trường) và cho biết lý do.)  
**Gợi ý:**  
I would rate this resort as a 5 (very eco-friendly). The resort demonstrates a strong commitment to environmental sustainability by implementing various eco-friendly practices. These include being fully carbon neutral, minimizing electricity use, utilizing solar energy for powering amenities, and sourcing food locally to reduce carbon emissions from transportation. Additionally, the resort supports the local economy by hiring employees from the surrounding area and providing them with training opportunities. Overall, Cloud Ecolodge appears to prioritize environmental conservation and community engagement, making it highly eco-friendly.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi đánh giá khu nghỉ dưỡng này 5 điểm (rất thân thiện với môi trường). Khu nghỉ dưỡng thể hiện cam kết mạnh mẽ về sự bền vững môi trường bằng cách thực hiện nhiều hoạt động thân thiện với môi trường. Các hoạt động bao gồm trung hòa hoàn toàn carbon, giảm thiểu sử dụng điện, sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp năng lượng cho các tiện nghi và tìm nguồn cung ứng thực phẩm tại địa phương để giảm lượng khí thải carbon từ giao thông vận tải. Ngoài ra, khu nghỉ dưỡng còn hỗ trợ nền kinh tế địa phương bằng cách thuê nhân viên từ khu vực xung quanh và đào tạo họ. Nhìn chung, Cloud Ecolodge dường như ưu tiên bảo tồn môi trường và sự tham gia của cộng đồng, khiến nơi đây trở nên rất thân thiện với môi trường.  
  
**Writing (phần a->b trang 107 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about writing recommendations for hotels and resorts, then read the recommendation of Cloud Ecolodge again and underline the adjectives.** (Đọc về cách viết 1 bài giới thiệu về khách sạn và khu nghỉ dưỡng, sau đó đọc lại bài giới thiệu về Cloud Ecolodge và gạch chân các tính từ.)  
  
  
  
  
**Writing Skill**  
**Writing recommendations for hotels and resorts**  
To write a good recommendation for a hotel or resort, you should:  
**1. Write about lots of different details of the hotel or resort, including staff, buildings, scenery, activities, etc.**  
They offer lots of eco-friendly activities. You can ...  
The staff is very friendly and well-trained. They ...  
**2. Use descriptive language with strong adjectives.**  
It has breathtaking scenery.  
The rooms are huge and elegant.  
**3. Give additional details and examples for each of your points to say why they're getting your recommendation.**  
The resort is carbon neutral. It gets electricity entirely from solar panels. They also have a farm.  
**4. Give a final recommendation to conclude.**  
I highly recommend this resort.  
I think you would really love staying at this hotel.  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
Hi, everyone. I'm back home after another trip. and I want to tell you about this eco-resort that I stayed at.  
I visited a town in the north of Vietnam called Sa Pa and stayed at Cloud Ecolodge. I had a room on top of a hill that had views of the mountains and valleys. I chose this resort because it really does a job of supporting the three elements of ecotourism: protecting the environment, promoting culture and traditions, and helping to create jobs and supporting the economy.  
First of all, Cloud Ecolodge is really , and it is fully . They keep electricity use to a minimum and there are no televisions or Wi-Fi in the rooms. Also, though there are swimming pools and a spa where you can relax, all are powered by energy.  
Next, they offer some activities. They offer tours around the village markets, and hiking and cycling tours around the area where you can learn about the culture and see some , homes.  
Finally, the resort hires employees entirely from the area. The people they hire often don't have much education, but they're given hospitality and language training to improve their skills. The resort also has a really restaurant. They get most of their food from markets and farms, so it’s really , and all the food waste is sent to farms to use as animal feed.  
Overall, I loved my time there, and I think it’s the resort I've reviewed so far. Let me know about which eco-resorts you've stayed at in the comments below. Maybe I could review those next.  
Until next time.  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Kỹ năng viết**  
**Viết bài giới thiệu về khách sạn và khu nghỉ dưỡng**  
Để viết một bài giới thiệu hay về một khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng, bạn nên:  
**1. Viết về nhiều chi tiết khác nhau của khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng, bao gồm nhân viên, các tòa nhà, phong cảnh, các hoạt động, v.v.**  
They offer lots of eco-friendly activities. You can ... (Họ cung cấp rất nhiều hoạt động thân thiện với môi trường. Bạn có thể …)  
The staff is very friendly and well-trained. They ... (Các nhân viên rất thân thiện và được đào tạo tốt. Họ ...)  
**2. Sử dụng ngôn ngữ mô tả với tính từ mạnh.**  
It has breathtaking scenery. (Nó có phong cảnh đẹp ngoạn mục.)  
The rooms are huge and elegant. (Các phòng đều rất lớn và thanh lịch.)  
**3. Cung cấp thêm chi tiết và ví dụ cho từng ý của bạn để làm rõ lý do bạn giới thiệu khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng.**  
The resort is carbon neutral. It gets electricity entirely from solar panels. They also have a farm. (Khu nghỉ dưỡng trung hòa carbon. Nó lấy điện hoàn toàn từ các tấm pin mặt trời. Họ cũng có một trang trại.)  
**4. Đưa ra đề xuất cuối cùng để kết luận.**  
I highly recommend this resort. (Tôi đánh giá cao khu nghỉ dưỡng này.)  
I think you would really love staying at this hotel. (Tôi nghĩ bạn sẽ thực sự thích ở tại khách sạn này.)  
  
  
  
  
**b. What possible additional details or examples could you give for the points below? Write at least one sentence for each point. Remember to use descriptive language and strong adjectives.** (Bạn có thể đưa ra thêm những chi tiết hoặc ví dụ nào cho các ý dưới đây? Viết ít nhất một câu cho mỗi ý. Hãy nhớ sử dụng ngôn ngữ mô tả và tính từ mạnh.)  
1. The staff is excellent.   
2. The scenery is so beautiful. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3. The buildings are very eco-friendly. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4. The restaurant is great for the environment. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5. They offer fascinating tours around local villages. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Gợi ý:**  
1. The staff is excellent. They’re incredibly well-trained and polite.  
2. The scenery is so beautiful. There are wonderful views of the bay.  
3. The buildings are very eco-friendly. They’re built of sustainable materials and use the bare minimum of electricity.  
4. The restaurant is great for the environment. It offers delicious meals using ingredients from the local area.  
5. They offer fascinating tours around local villages. You can learn about the amazing local culture and see their interesting homes.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Đội ngũ nhân viên rất xuất sắc. Họ được đào tạo cực kỳ bài bản và lịch sự.  
2. Phong cảnh thật đẹp. Khung cảnh nhìn ra vịnh tuyệt vời.  
3. Các tòa nhà rất thân thiện với môi trường. Chúng được xây dựng bằng vật liệu bền vững và sử dụng lượng điện tối thiểu.  
4. Nhà hàng rất thân thiện với môi trường. Nơi đây cung cấp các bữa ăn ngon sử dụng nguyên liệu từ khu vực địa phương.  
5. Họ cung cấp các tour du lịch hấp dẫn quanh các ngôi làng địa phương. Bạn có thể tìm hiểu về văn hóa địa phương tuyệt vời và ngắm nhìn những ngôi nhà thú vị của họ.  
  
**Speaking (phần a->b trang 108 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You are writing a blog recommending an eco-resort. In pairs: Discuss the questions below.** (Bạn đang viết blog giới thiệu một khu nghỉ dưỡng sinh thái. Theo cặp: Thảo luận các câu hỏi dưới đây.)  
  
  
  
  
• What do eco-resorts usually look like? (Khu nghỉ dưỡng sinh thái thường trông như thế nào?)  
• What things can a resort do to be eco-friendly? (Khu nghỉ dưỡng có thể làm gì để thân thiện với môi trường?)  
• What eco-friendly activities do they have? (Họ có những hoạt động thân thiện với môi trường nào?)  
• What else do they have or offer? (Họ có hoặc cung cấp điều gì khác nữa không?)  
  
  
  
  
- They're often carbon neutral. (Họ thường trung hòa cacbon.)  
- Great idea. Some also don't have any vehicles, so they don't disturb the animals. (Ý tưởng tuyệt vời. Một số cũng không sử dụng phương tiện đi lại nên không làm phiền đến động vật.)  
**Gợi ý:**  
A: What do eco-resorts usually look like?  
B: Eco-resorts typically have a natural and minimalist aesthetic, often blending with the surrounding environment through sustainable architecture and landscaping.  
A: What things can a resort do to be eco-friendly?  
B: To be eco-friendly, a resort can implement various practices such as energy conservation measures, water-saving initiatives, waste reduction and recycling programs, and sustainable sourcing of materials and food.  
A: What eco-friendly activities do they have?  
B: Eco-resorts offer a range of eco-friendly activities to engage guests with nature and local culture. These can include guided nature walks or hikes, wildlife spotting tours, birdwatching, organic farming experiences, cultural immersion activities with local communities, and workshops on sustainability practices.  
A: What else do they have or offer?  
B: In addition to eco-friendly activities, eco-resorts often provide amenities and services focused on wellness and relaxation, such as yoga classes, spa treatments using natural products, healthy organic dining options, and opportunities for outdoor recreation like kayaking, snorkeling, or cycling in natural surroundings.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Khu nghỉ dưỡng sinh thái thường trông như thế nào?  
B: Khu nghỉ dưỡng sinh thái thường có tính thẩm mỹ tự nhiên và tối giản, thường hòa quyện với môi trường xung quanh thông qua kiến trúc và cảnh quan bền vững.  
A: Khu nghỉ dưỡng có thể làm gì để thân thiện với môi trường?  
B: Để thân thiện với môi trường, khu nghỉ dưỡng có thể thực hiện nhiều cách khác nhau như các biện pháp bảo tồn năng lượng, sáng kiến tiết kiệm nước, chương trình giảm thiểu và tái chế chất thải cũng như tìm nguồn cung ứng nguyên liệu và thực phẩm bền vững.  
A: Họ có những hoạt động thân thiện với môi trường nào?  
B: Khu nghỉ dưỡng sinh thái cung cấp nhiều hoạt động thân thiện với môi trường để thu hút du khách đến với thiên nhiên và văn hóa địa phương. Những hoạt động này có thể bao gồm các chuyến đi bộ hoặc đi bộ đường dài trong thiên nhiên có hướng dẫn viên, các chuyến tham quan khám phá động vật hoang dã, quan sát chim, trải nghiệm canh tác hữu cơ, các hoạt động hòa nhập văn hóa với cộng đồng địa phương và hội thảo về các hoạt động bền vững.  
A: Họ có hoặc cung cấp điều gì khác nữa không?  
B: Ngoài các hoạt động thân thiện với môi trường, khu nghỉ dưỡng sinh thái thường cung cấp các tiện nghi và dịch vụ tập trung vào sức khỏe và thư giãn, chẳng hạn như các lớp học yoga, trị liệu spa sử dụng các sản phẩm tự nhiên, các lựa chọn ăn uống hữu cơ lành mạnh và cơ hội giải trí ngoài trời như chèo thuyền kayak, lặn với ống thở, hoặc đạp xe trong khung cảnh thiên nhiên.  
**b. Imagine you visited an eco-resort. Complete the table with your favorite ideas about eco-resorts you discussed.** (Hãy tưởng tượng bạn đã đến thăm một khu nghỉ dưỡng sinh thái. Hoàn thành bảng với những ý tưởng yêu thích của bạn về khu nghỉ dưỡng sinh thái mà bạn đã thảo luận.)  
  
  
  
  
**Name:**  
  
  
**Where (country and area):**  
  
  
  
  
Description of the resort:  
   
  
  
Things they do to be eco-friendly:  
1.  
2.  
3.  
  
  
  
  
Eco-friendly activities they offer:  
1.  
2.  
  
  
Other things the resort has or offers:  
   
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**Name: Lotus Eco-Resort**  
  
  
**Where (country and area): Vietnam, Phong Nha-Ke Bang National Park**  
  
  
  
  
Description of the resort:  
Lotus Eco-Resort is nestled in the heart of Phong Nha-Ke Bang National Park, a UNESCO World Heritage Site renowned for its stunning karst landscapes, pristine rivers, and rich biodiversity.  
  
  
Things they do to be eco-friendly:  
1. Sustainable Construction  
2. Renewable Energy  
3. Waste Management  
  
  
  
  
Eco-friendly activities they offer:  
1. Nature Treks  
2. River Conservation Tours  
  
  
Other things the resort has or offers:  
1. Farm-to-Table Dining  
2. Cultural Immersion  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Tên: Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen**  
  
  
**Địa điểm (quốc gia và khu vực): Việt Nam, Vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng**  
  
  
  
  
Mô tả khu nghỉ dưỡng:  
Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen nép mình ở trung tâm Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, Di sản Thế giới được UNESCO công nhận nổi tiếng với cảnh quan núi đá vôi tuyệt đẹp, những dòng sông hoang sơ và đa dạng sinh học phong phú.  
  
  
Những điều họ làm để thân thiện với môi trường:  
1. Công trình bền vững  
2. Năng lượng tái tạo  
3. Quản lý rác thải  
  
  
  
  
Các hoạt động thân thiện với môi trường mà họ cung cấp:  
1. Các chuyến đi thiên nhiên  
2. Các chuyến tham quan bảo tồn sông  
  
  
Các hoạt động khác mà khu nghỉ dưỡng có hoặc cung cấp:  
1. Ăn uống từ trang trại đến bàn ăn  
2. Hòa nhập văn hóa  
  
  
  
  
  
**Useful language (phần a->b trang 108 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the phrases (A-F) below and the recommendation for Cloud Ecolodge again. Circle the phrases below that you see in the recommendation, then write a letter (A-F) in the blanks.** (Đọc các cụm từ (A-F) bên dưới và đọc lại bài giới thiệu về Cloud Ecolodge. Khoanh tròn các cụm từ bên dưới mà bạn thấy trong bài giới thiệu, sau đó viết một chữ cái (A-F) vào chỗ trống.)  
  
  
  
  
A. You can learn about ...  
  
  
   
  
  
1. \_\_\_\_\_\_: tell the readers something you think they need to hear  
  
  
  
  
B. I chose this resort because ...  
  
  
   
  
  
2. \_\_\_\_\_\_: give the reason you decided to stay somewhere  
  
  
  
  
C. Let me know about ...  
  
  
   
  
  
3. \_\_\_\_\_\_: say what things you can find out about  
  
  
  
  
D. I have to tell you about ...  
  
  
   
  
  
4. \_\_\_\_\_\_: ask readers to tell you about their experiences  
  
  
  
  
E. This resort is my favorite place to ...  
  
  
   
  
  
5. \_\_\_\_\_\_: give additional information about what the resort has  
  
  
  
  
F. The resort also offers ...  
  
  
   
  
  
6. \_\_\_\_\_\_: say it's the best resort for a certain reason  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. D  
  
  
2. B  
  
  
3. A  
  
  
4. C  
  
  
5. F  
  
  
6. E  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
A. Bạn có thể tìm hiểu về ...  
  
  
   
  
  
1. \_\_\_\_\_\_: nói với độc giả điều gì đó mà bạn nghĩ họ cần nghe  
  
  
  
  
B. Tôi chọn khu nghỉ dưỡng này vì ...  
  
  
   
  
  
2. \_\_\_\_\_\_: đưa ra lý do bạn quyết định ở lại một nơi nào đó  
  
  
  
  
C. Hãy cho tôi biết về ...  
  
  
   
  
  
3. \_\_\_\_\_\_: nói những điều bạn có thể tìm hiểu được  
  
  
  
  
D. Tôi phải kể cho bạn nghe về...  
  
  
   
  
  
4. \_\_\_\_\_\_: yêu cầu người đọc kể cho bạn nghe về trải nghiệm của họ  
  
  
  
  
E. Khu nghỉ dưỡng này là nơi tôi yêu thích nhất ...  
  
  
   
  
  
5. \_\_\_\_\_\_: cung cấp thêm thông tin về những gì khu nghỉ dưỡng có  
  
  
  
  
F. Khu nghỉ dưỡng còn cung cấp ...  
  
  
   
  
  
6. \_\_\_\_\_\_: nói rằng đó là khu nghỉ dưỡng tốt nhất vì một lý do nào đó  
  
  
  
  
**b. Write the useful language phrases in the correct blanks below.** (Viết các cụm từ ở trên vào chỗ trống chính xác dưới đây.)  
A. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ relax and enjoy nature.  
B. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ they do so much to protect the environment  
C. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the resort I stayed at last month with my family.  
D. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ how to make traditional jewelry in a local village.  
E. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ hives around the mountains and through the forests.  
F. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ any eco-resorts you've stayed at.  
**Đáp án:**  
A. This resort is my favorite place to relax and enjoy nature.  
B. I chose this resort because they do so much to protect the environment.  
C. I have to tell you about the resort I stayed at last month with my family.  
D. You can learn about how to make traditional jewelry in a local village.  
E. The resort also offers hives around the mountains and through the forests.  
F. Let me know about any eco-resorts you've stayed at.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Khu nghỉ dưỡng này là nơi tôi yêu thích để thư giãn và tận hưởng thiên nhiên.  
B. Tôi chọn khu nghỉ dưỡng này vì họ rất nỗ lực bảo vệ môi trường.  
C. Tôi phải kể cho bạn nghe về khu nghỉ dưỡng mà tôi đã ở cùng gia đình vào tháng trước.  
D. Bạn có thể tìm hiểu về cách làm đồ trang sức truyền thống ở một ngôi làng địa phương.  
E. Khu nghỉ dưỡng còn có tổ ong quanh núi và xuyên rừng.  
F. Hãy cho tôi biết về bất kỳ khu nghỉ dưỡng sinh thái nào bạn đã từng ở.  
  
**Let’s write (trang 108 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**Now, write a blog recommending the eco-resort you discussed in Speaking. Use the Writing Skill box, the reading model, and your speaking notes to help you. Write 180-200 words.** (Bây giờ, hãy viết một blog giới thiệu khu nghỉ dưỡng sinh thái mà bạn đã thảo luận trong phần Nói. Sử dụng bảng Kỹ năng Viết, mẫu bài đọc và ghi chú nói để giúp bạn. Viết 180-200 từ.)  
**Gợi ý:**  
Hi everyone, I'm excited to share with you my recent experience at Lotus Eco-Resort, nestled in the heart of Phong Nha-Ke Bang National Park, a UNESCO World Heritage Site renowned for its stunning karst landscapes, pristine rivers, and rich biodiversity. The resort offers rustic yet comfortable accommodations inspired by traditional Vietnamese architecture, blending seamlessly with the natural surroundings.  
During my stay, I was captivated by the stunning panoramic views of lush forests and limestone cliffs from my spacious bungalow adorned with locally sourced materials and adorned with handcrafted bamboo furnishings. I was drawn to Lotus Eco-Resort for its sustainable construction, renewable energy, and waste management.  
First, Lotus Eco-Resort prioritizes environmental sustainability. They utilize eco-friendly building materials and techniques, such as bamboo, reclaimed wood, and natural clay, to minimize its environmental footprint during construction.  
Second, the resort harnesses solar power to meet its electricity needs, utilizing photovoltaic panels installed on rooftops to generate clean, renewable energy.  
Next, Lotus Eco-Resort implements comprehensive waste management practices, including recycling, composting organic waste, and reducing single-use plastics. They also collaborate with local recycling initiatives to ensure proper disposal of waste materials.  
Moreover, the resort offers some eco-friendly activities such as nature treks and river conservation tours. In nature treks, guests can embark on guided treks through the lush jungles and rugged karst landscapes of Phong Nha-Ke Bang National Park, led by knowledgeable local guides who share insights into the region's unique flora and fauna. And in river conservation tours, visitors can join educational boat tours along the pristine Son River, learning about the importance of river conservation and efforts to protect the aquatic ecosystems of Phong Nha-Ke Bang.  
Last, Lotus Eco-Resort features an organic garden where guests can participate in farm-to-table dining experiences, harvesting fresh produce and herbs to be prepared by skilled chefs into delicious Vietnamese dishes. Besides, the resort offers cultural activities such as traditional cooking classes, lantern-making workshops, and visits to nearby ethnic minority villages, providing guests with opportunities to engage with local communities and learn about their customs and traditions.  
In conclusion, my stay at Lotus Eco-Resort was truly exceptional. I encourage you to share your own eco-resort experiences in the comments below, as I continue to explore and review sustainable destinations for future adventures.  
Until next time!  
**Hướng dẫn dịch:**  
Xin chào mọi người, tôi rất vui được chia sẻ với các bạn trải nghiệm gần đây của tôi tại Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen, nằm ở trung tâm Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, Di sản Thế giới được UNESCO công nhận nổi tiếng với cảnh quan núi đá vôi tuyệt đẹp, những dòng sông hoang sơ và sự đa dạng sinh học. Khu nghỉ dưỡng cung cấp chỗ ở mộc mạc nhưng thoải mái lấy cảm hứng từ kiến trúc truyền thống Việt Nam, hòa quyện hoàn hảo với khung cảnh thiên nhiên xung quanh.  
Trong thời gian lưu trú, tôi đã bị quyến rũ bởi tầm nhìn toàn cảnh tuyệt đẹp của những khu rừng tươi tốt và những vách đá vôi từ ngôi nhà gỗ rộng rãi của mình được trang trí bằng những vật liệu có nguồn gốc địa phương và đồ nội thất bằng tre thủ công. Tôi bị thu hút với Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen vì khả năng xây dựng bền vững, năng lượng tái tạo và quản lý rác thải.  
Đầu tiên, Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen ưu tiên sự bền vững về môi trường. Họ sử dụng các vật liệu và kỹ thuật xây dựng thân thiện với môi trường như tre, gỗ khai hoang và đất sét tự nhiên để giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình xây dựng.  
Thứ hai, khu nghỉ dưỡng khai thác năng lượng mặt trời để đáp ứng nhu cầu điện, sử dụng các tấm quang điện lắp trên mái nhà để tạo ra năng lượng sạch, tái tạo.  
Tiếp theo, Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen thực hiện các biện pháp quản lý rác thải toàn diện, bao gồm tái chế, ủ phân hữu cơ và giảm thiểu nhựa sử dụng một lần. Họ cũng hợp tác với các sáng kiến tái chế tại địa phương để đảm bảo xử lý rác thải đúng cách.  
Hơn nữa, khu nghỉ dưỡng còn cung cấp một số hoạt động thân thiện với môi trường như đi bộ xuyên thiên nhiên và tham quan bảo tồn sông. Trong những chuyến đi khám phá thiên nhiên, du khách có thể tham gia những chuyến đi có hướng dẫn viên xuyên qua những khu rừng tươi tốt và cảnh quan núi đá vôi gồ ghề của Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, được dẫn dắt bởi những hướng dẫn viên địa phương am hiểu, những người chia sẻ những hiểu biết sâu sắc về hệ động thực vật độc đáo của khu vực. Và trong các tour bảo tồn sông, du khách có thể tham gia các chuyến du thuyền giáo dục dọc dòng sông Son hoang sơ, tìm hiểu tầm quan trọng của việc bảo tồn dòng sông và nỗ lực bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh của Phong Nha-Kẻ Bàng.  
Cuối cùng, Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen có khu vườn hữu cơ, nơi du khách có thể tham gia trải nghiệm ăn uống từ trang trại đến bàn ăn, thu hoạch nông sản tươi và thảo mộc để các đầu bếp lành nghề chế biến thành những món ăn ngon của Việt Nam. Ngoài ra, khu nghỉ dưỡng còn tổ chức các hoạt động văn hóa như lớp học nấu ăn truyền thống, xưởng làm đèn lồng và thăm các làng dân tộc thiểu số gần đó, mang đến cho du khách cơ hội giao lưu với cộng đồng địa phương và tìm hiểu về phong tục, truyền thống của họ.  
Tóm lại, kỳ nghỉ của tôi tại Khu nghỉ dưỡng sinh thái Hoa sen thực sự rất đặc biệt. Tôi rất mong bạn chia sẻ trải nghiệm nghỉ dưỡng sinh thái của riêng mình trong phần bình luận bên dưới, vì tôi sẽ tiếp tục khám phá và xem xét các điểm đến bền vững cho những chuyến phiêu lưu trong tương lai.  
Gặp lại các bạn sau nhé!  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 7: Urbanization  
Unit 8: The Media  
Review 3  
Unit 10: Artificial Intelligence  
Review 4